

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

18

LÝ THƯỜNG KIỆT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
NGUYỄN QUANG CẢNH



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 18: LÝ THƯỜNG KIỆT

Tái bản lần thứ 13

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Lâm Chí Trung
Đồ họa vi tính: Hoàng Lan Anh
Biên tập hình ảnh: Lương Trọng Phúc

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Lý Thường Kiệt/ Trần Bạch Đằng chủ biên; Lê Văn Năm biên soạn; họa sĩ Nguyễn
Quang Cảnh. Tái bản lần thứ 13. T.P. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2013.

112tr.: minh họa; 21cm. (Lịch sử Việt Nam bằng tranh; T.18).

1. Lý Thường Kiệt, 10191105. 2. Tướng Việt Nam Tiểu sử. 3. Việt Nam Lịch sử
Triều đại nhà Lý, 10091225 Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Lê Văn Năm. III. Ts: Lịch
sử Việt Nam bằng tranh.

1. Lý Thường Kiệt, 10191105. 2. Generals Vietnam Biography. 3. Vietnam History
Lý Dynasty, 10091225 Picture books.

959.7023092 – dc22

L981

LỜI GIỚI THIỆU

Sử sách nước ta xưa nay lưu danh biết bao anh hùng hào kiệt. Mỗi danh tướng, danh nhân đều gắn với một giai đoạn biến động trong lịch sử nước nhà.

Khi biên giới phía bắc thì giặc Tống không ngừng nhòm ngó, nuôi mộng xâm lược để bóc lột dân ta, lấp cho đầy lại quốc khố đang rỗng ruột. Nam thì Chiêm Thành ôm nỗi hận xưa, lại nghe theo xúi giục của nhà Tống, manh nhe bắt tay nhau uy hiếp Đại Việt. Thế mà may mắn thay, Đại Việt tuy nhỏ, vua còn trẻ tuổi nhưng đã có cái bậc công thần tài giỏi trợ tá. Trong đó, bấy giờ phải nhắc đến Lý Thường Kiệt. Chẳng những là người văn võ toàn tài, hết lòng trợ vua trong việc quân binh, dốc lòng vì dân vì nước. Không những thế, vì quốc gia, ông còn gạt mối hiềm riêng với Lý Đạo Thành. Tài đã giỏi mà tâm lại sáng, nên sử sách còn lưu mãi tên ông, làm tấm gương sáng cho người sau noi theo.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 18 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Lý Thường Kiệt”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Quang Cảnh thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 18 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Sử cũ chép về Lý Thường Kiệt:

*“Bày trận đường đường, kéo cờ chính chính, mười vạn
thằng sâu vào đất khách, phá quân ba châu như chẻ trúc,
lúc tới còn không ai dám địch, lúc rút quân còn không ai
dám đuổi, dụng binh như thế, chẳng phải nước ta chưa
từng có bao giờ?”*

(Theo Việt sử tiêu án, Ngô Thì Sĩ)

Lý Thường Kiệt quê tại phường Thái Hòa ở Thăng Long, khi còn nhỏ có tên là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt. Về sau, ông được vua Lý nhận làm con nuôi nên mang họ Lý. Thường Kiệt chào đời vào năm Kỷ Mùi (1019), cha là An Ngữ, một võ quan dưới triều vua Lý Thái Tổ. Tuấn còn có một người em trai tên là Thường Hiến.





Ngay từ lúc còn nhỏ, Thường Kiệt đã tỏ ra ham thích võ nghệ. Cậu say mê xem cha tập luyện, nhất là xem các buổi tranh tài, những cuộc đấu vật, thi võ, đua thuyền được tổ chức ở kinh đô. Hình ảnh những võ tướng uy nghi trên lưng ngựa dẫn đầu đoàn quân càn hun đúc trong cậu niềm mong muốn được nối nghiệp cha. Vì thế, về nhà, Thường Kiệt thường cùng các bạn bày trò đánh vật, nhảy thi, tập bắn tên bằng cung tre.



Ông An Ngữ thấy con ham thích võ nghệ nên dạy cho con vài bài quyền để múa cho vui, không ngờ Thường Kiệt học thuộc nhanh và đi quyền rất đẹp mắt, ai thấy cũng khen ngợi. Thế là từ đó, hai cha con thường luyện võ trước sân nhà. Ông An Ngữ rất vui khi thấy con trai mình tỏ ra có năng khiếu khác thường.

Sau đó, Thường Kiệt còn được cha cho học thêm chữ Nho để không thua kém chúng bạn ở chốn kinh thành. Được đi học, lúc nào cậu cũng siêng năng, chăm chỉ, nhưng cũng không quên tập luyện võ nghệ. Chính vì thế cậu luôn được thầy chú ý chỉ bảo thêm nên ngày một giỏi giang. Bạn bè đều yêu mến và khâm phục cậu.



Năm Thường Kiệt 12 tuổi, ông An Ngữ lâm bệnh nặng và qua đời trong một chuyến đi thị sát ở vùng Thanh Hóa. Thường Kiệt thương cha than khóc khôn nguôi. Từ đó, cậu càng quyết tâm học tập và luyện rèn võ nghệ để không phụ lòng cha. Cậu luôn bày tỏ ý hướng của mình: *“Muốn theo gương người xưa, đi xa ngàn dặm để lập công, lấy ấn phong hầu làm vẻ vang cho cha mẹ”*. Người cậu là Tạ Đức khen Thường Kiệt có chí lớn nên thường xuyên đi lại giúp đỡ mẹ con cậu.



Mấy năm trôi qua, Thường Kiệt đã trở thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú. Chàng được ông Tạ Đức gả cô cháu gái tên là Thuần Khanh cho. Ngoài ra, ông còn chỉ vẽ thêm cho chàng các sách về binh thư. Thường Kiệt càng đọc càng say mê. Từ đó, người ta thấy chàng đêm đêm chong đèn đọc sách đến khuya; ngày ngày luyện tập bắn cung, cưỡi ngựa, dàn thế trận...



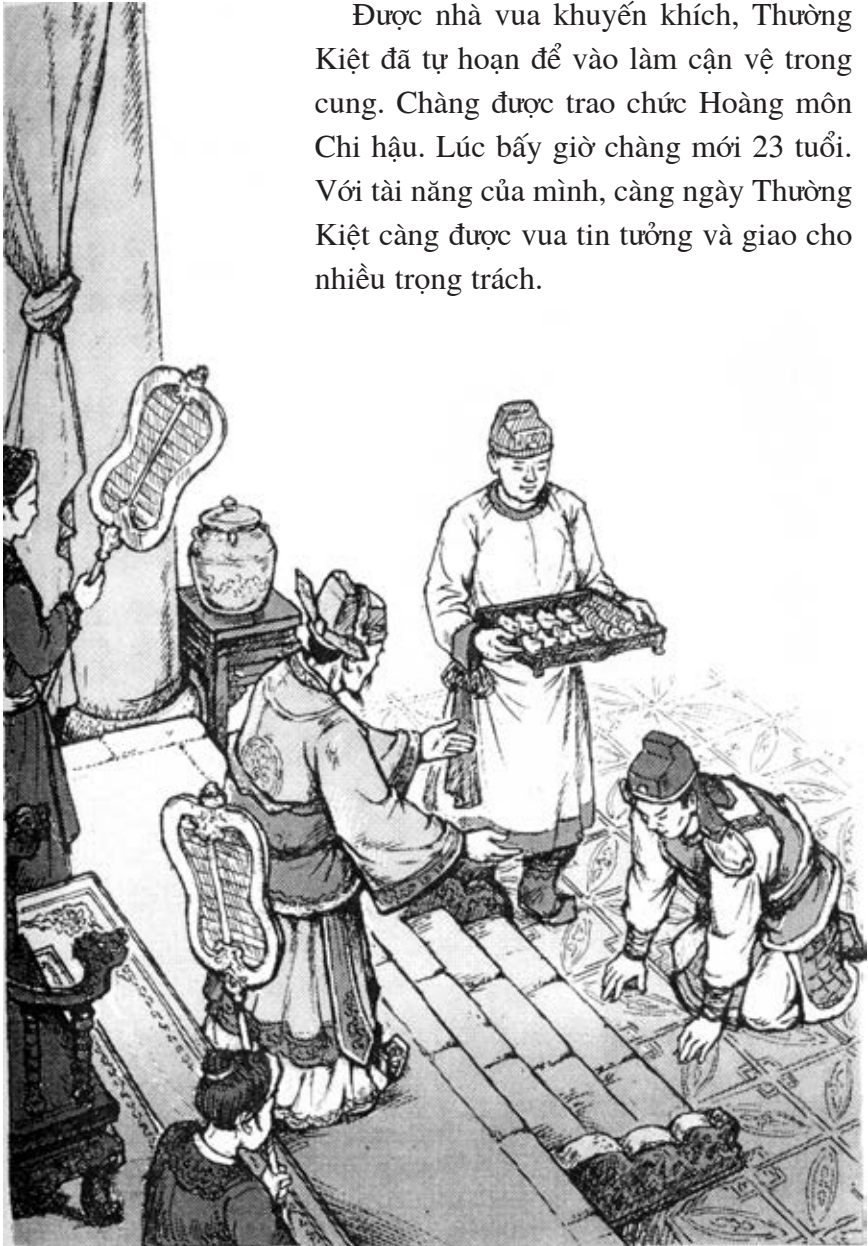


Năm Thường Kiệt 18 tuổi thì mẹ mất. Chàng cùng em trai chăm lo mọi lễ tống táng rất chu tất. Lúc hết cư tang, triều đình theo lệ *phụ ẩm* (nghĩa là bổ con các quan lại có công ra làm quan) sung Thường Kiệt vào làm Ky mã Hiệu úy, một chức quan nhỏ trong đội kỵ binh.

Thế là từ đó, Thường Kiệt có dịp thi thố tài năng theo sở nguyện. Lúc nào vị võ quan trẻ tuổi này cũng được mọi người đặc biệt chú ý không phải chỉ vì vẻ khôi ngô tuấn tú mà còn vì sự dũng cảm, mưu lược và đặc biệt là tài năng xuất sắc. Chính vì thế, vua Lý Thái Tông đã để ý đến chàng và muốn cất nhắc chàng làm người thân cận bên mình.



Được nhà vua khuyến khích, Thường Kiệt đã tự nguyện đi vào làm cận vệ trong cung. Chàng được trao chức Hoàng môn Chi hậu. Lúc bấy giờ chàng mới 23 tuổi. Với tài năng của mình, càng ngày Thường Kiệt càng được vua tin tưởng và giao cho nhiều trọng trách.



Khi vua Lý Thánh Tông nối ngôi (1054) Thường Kiệt được giao làm Bổng hành quân Hiệu úy, một chức võ quan cao cấp. Hàng ngày, được hầu cận bên vua, ông hết lòng giúp vua trong mọi việc, hiến những ý hay, can gián những điều không nên. Vì thế, ông được thăng dần đến Kiểm hiệu Thái bảo, một chức quan lớn trong triều.

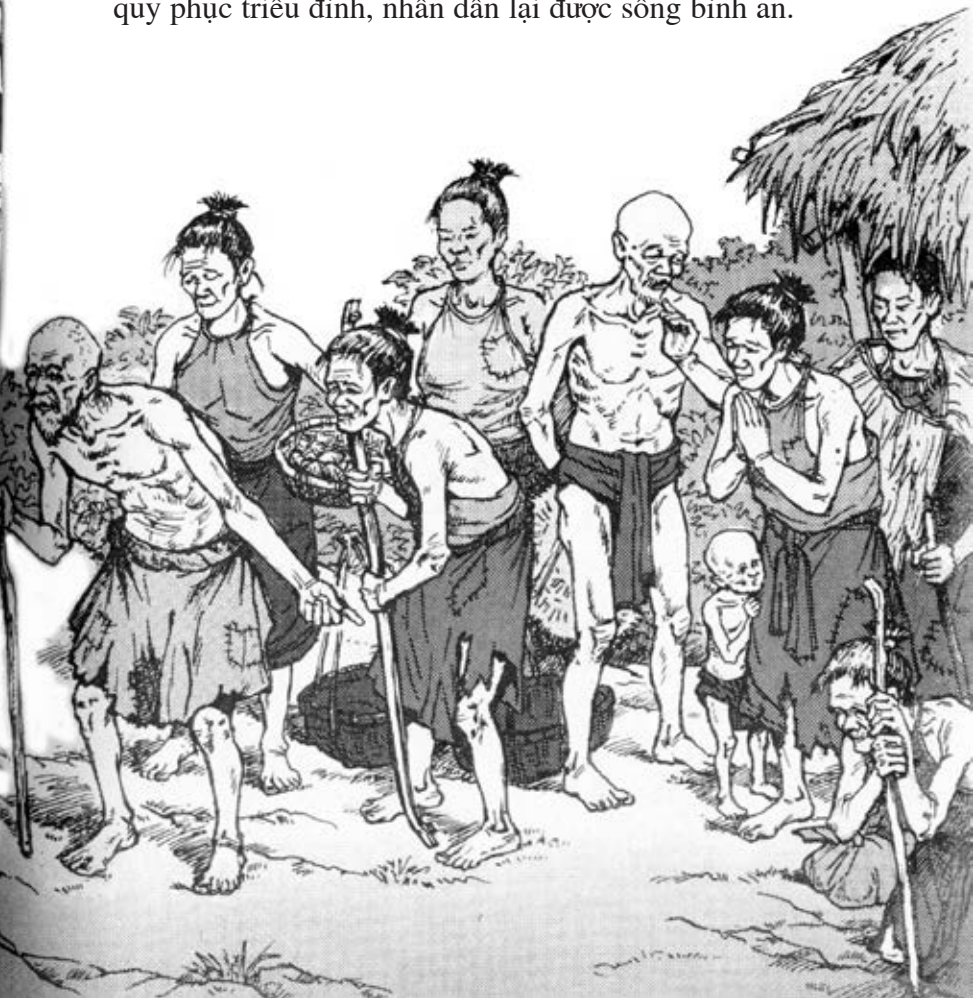


Năm 1061, dân các động ở vùng Ngũ Huyện Giang (Thanh Hóa) nổi dậy chống triều đình. Bình ổn vùng này là một việc rất khó khăn. Tin vào tài thao lược của Thường Kiệt, vua Lý Thánh Tông giao phó trọng trách này cho ông.





Khi đến nơi, Thường Kiệt không vội trấn áp. Ông tìm hiểu dân tình và rất xúc động khi thấy dân ở đây rất nghèo và đang bị đói. Thấy thế, ông vội về, giúp đỡ họ ổn định cuộc sống, lại hướng dẫn trồng trọt, chăn nuôi. Nhờ vậy, nhà nhà đều đủ cơm ăn, áo mặc. Từ đó, ông khuyên nhủ các động chủ nên bãi binh để tránh việc đổ máu vô ích. Chỉ ít lâu sau, tất cả các châu động trong vùng đều quy phục triều đình, nhân dân lại được sống bình an.



Bấy giờ, ở biên giới phía nam Đại Việt, vua Chế Củ của nước Chiêm Thành vẫn nuôi mối hận bại trận dưới đời Lý Thái Tổ trước đây nên lo chuẩn bị vũ khí, thuyền chiến và luyện tập binh mã. Chế Củ sai sứ sang Trung Quốc tỏ ý muốn dựa vào nhà Tống để chống Đại Việt và xin mua ngựa chiến. Việc đó rất phù hợp với ý muốn của vua Tống nên được nhà Tống ủng hộ.



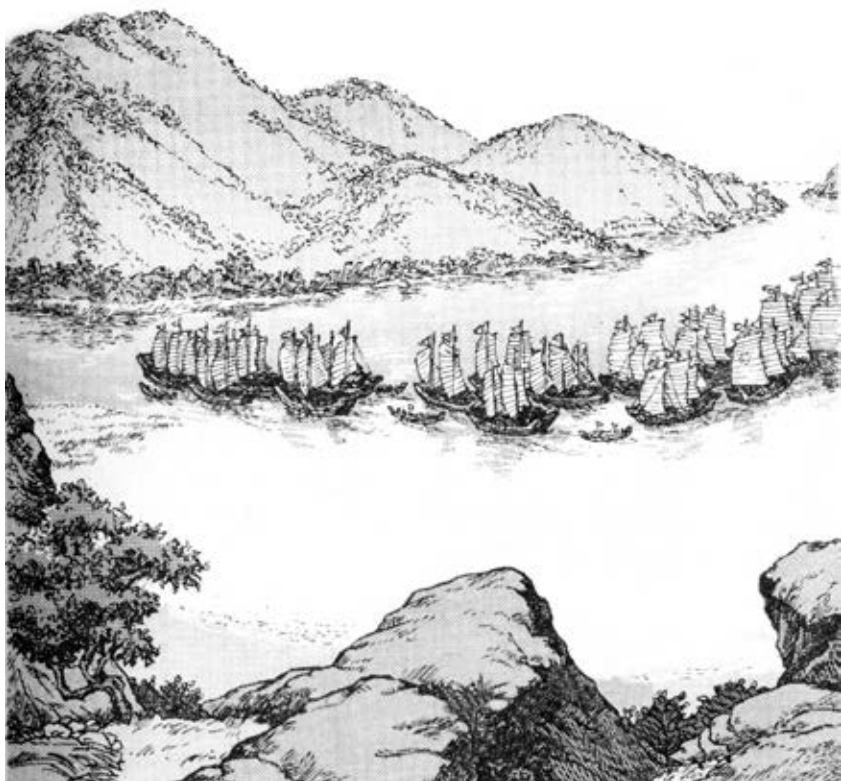
Khi thấy binh lực mình đã mạnh, Chế Củ cất hãn quan hệ với triều Lý, không gửi sứ sang nữa. Tình hình trở nên nghiêm trọng khiến Lý Thánh Tông phải quyết định thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Thường Kiệt được vua cử làm đại tướng, giao cho thống lĩnh đoàn quân tiên phong. Em trai ông là Thường Hiến cũng được cử làm tướng theo ông đi chinh phạt.



Tháng 2 năm Kỷ Dậu (1069), vua Thánh Tông ra lệnh xuất quân. Đại quân Lý dùng thuyền, theo đường biển tiến về phương nam. Chế Củ sai thủy quân chặn quân ta ở cửa sông Nhật Lệ (nay thuộc Quảng Bình). Trận thủy chiến diễn ra nhanh chóng. Đội thuyền chiến của Chiêm Thành bị đánh tan tãc.



Sau khi tiêu diệt thủy quân Chiêm Thành, đại quân Lý thắng đường tiến đến Phật Thệ (về sau gọi là Đồ Bàn hay Chà Bàn), kinh đô nước Chiêm Thành. Kinh đô Phật Thệ nằm giữa một vùng đồng bằng phì nhiêu với núi non bao bọc ba phía. Ở phía đông có những nhánh sông thông với đầm Nước Mặn (tức vịnh Quy Nhơn ngày nay), vì vậy chiến thuyền quân Đại Việt từ biển đi vào rất thuận lợi.

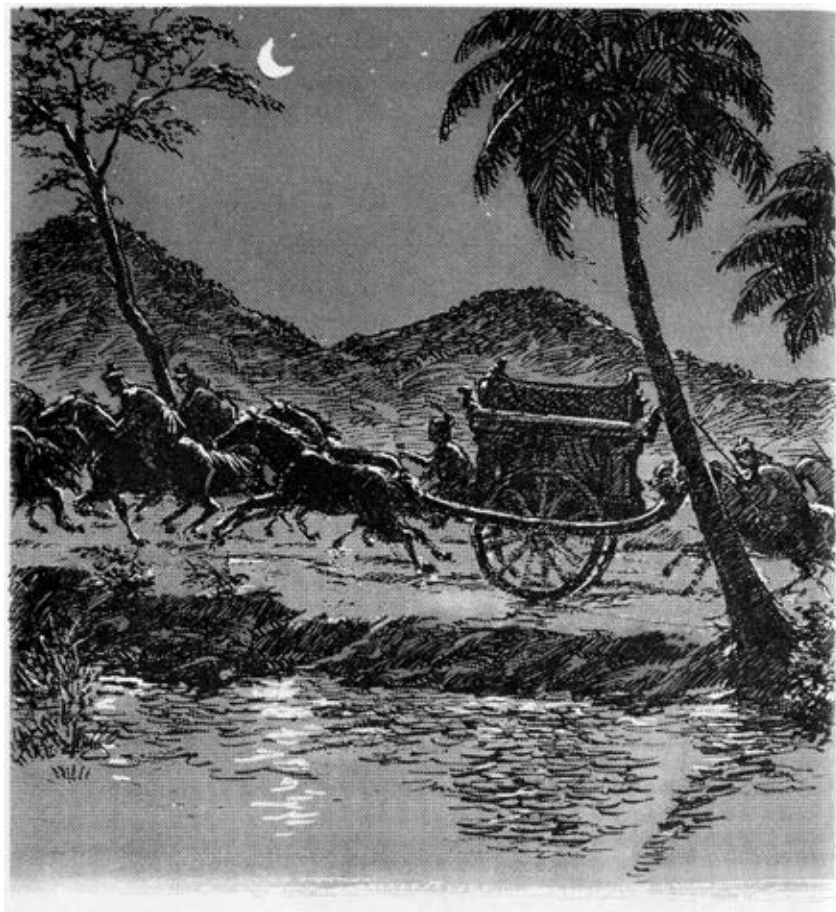




Sau hơn 20 ngày lênh đênh trên biển, quân Đại Việt đổ bộ vào cửa Thị Nại (đầm Nước Mặn). Hai anh em Thường Kiệt và Thường Hiến dẫn đầu đoàn quân tiên phong đánh vào kinh đô Chiêm Thành. Tướng Chiêm Thành là Bố Bì Đà La dẫn quân bên bờ sông Tu Mao^(*), phía nam Phật Thệ, để chặn quân Việt. Thường Kiệt chia quân làm hai cánh cùng tấn công vào quân Chiêm. Dưới tài cầm quân của Thường Kiệt, chẳng mấy chốc, Bố Bì Đà La bị giết, quân Chiêm tan rã.

** Túc sông Tân An chảy ra cửa Quy Nhơn.*



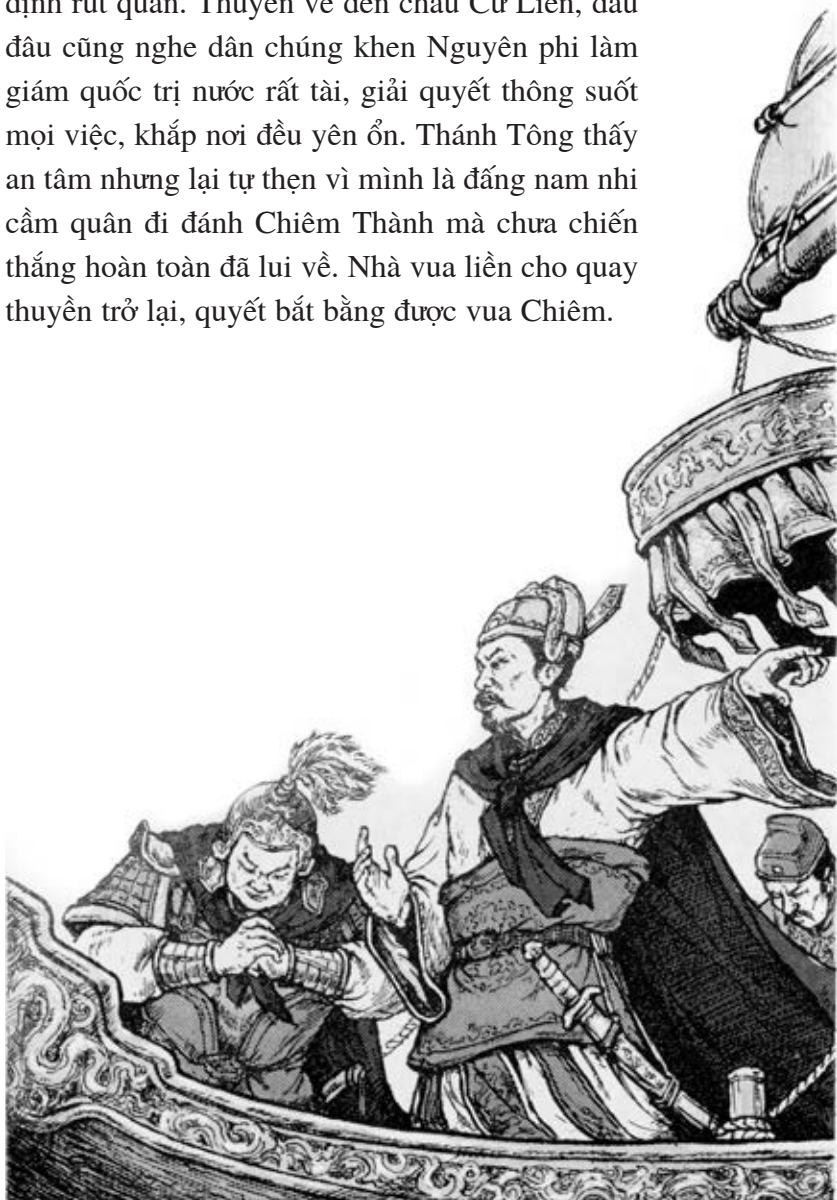


Chế Củ nghe tin quân mình đại bại đang đêm vội vàng cùng hậu cung bỏ kinh thành chạy trốn. Vì thế, khi quân Đại Việt tiến đến gần Phật Thệ, quân lính và dân chúng mở cửa thành kéo nhau ra hàng. Lý Thánh Tông dẫn quân vào thành, ra lệnh không được chém giết; sau đó, đặt người cai quản và dụ an dân chúng.

Chế Củ chạy về phía nam tập hợp lại lực lượng và tiếp tục chống trả. Như vậy, việc chinh phục Chiêm Thành, quy phục được Chế Củ còn mất nhiều thời gian nữa. Điều này khiến Lý Thánh Tông chẳng an tâm. Nhà vua đã rời kinh đô Thăng Long khá lâu rồi. Tuy việc triều chính đã giao cho Y Lan Nguyên phi tài trí hơn người, nhưng ngài vẫn lo lắng không biết nàng có thể quán xuyến được mọi việc không. Cai trị một quốc gia chẳng phải là việc giản đơn.



Suy đi tính lại, cuối cùng Lý Thánh Tông quyết định rút quân. Thuyền về đến châu Cư Liên, đâu đâu cũng nghe dân chúng khen Nguyên phi làm giám quốc trị nước rất tài, giải quyết thông suốt mọi việc, khắp nơi đều yên ổn. Thánh Tông thấy an tâm nhưng lại tự thẹn vì mình là đấng nam nhi cầm quân đi đánh Chiêm Thành mà chưa chiến thắng hoàn toàn đã lui về. Nhà vua liền cho quay thuyền trở lại, quyết bắt bằng được vua Chiêm.



Vâng mệnh nhà vua, Thường Kiệt đem quân truy kích Chế Củ. Đường hành quân về phương nam đầy gian nan, hiểm trở. Ông cùng đoàn quân tiên phong của mình vượt bao đèo cao, sông rộng, băng qua những cánh rừng rậm, những vùng đất cát khô cằn. Cuối cùng, thu phục được cả những vùng phía nam của Chiêm Thành.





Chế Củ lùi mãi, lùi mãi đến tận vùng Panduranga (tức Phan Rang, Phan Thiết ngày nay) và tới sát biên giới Chân Lạp. Thế nhưng Chân Lạp lâu nay vốn là nước thù địch với Chiêm Thành, vua Chiêm không dám trốn sang đây. Cùng đường, Chế Củ đành phải ra hàng quân Đại Việt và bị Thường Kiệt giải về cho Lý Thánh Tông.





Lý Thánh Tông hết sức vui mừng, ngài cho mở tiệc ăn mừng chiến thắng và sau đó đưa vua Chiêm về Thăng Long. Chế Củ xin dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh để được tha về.

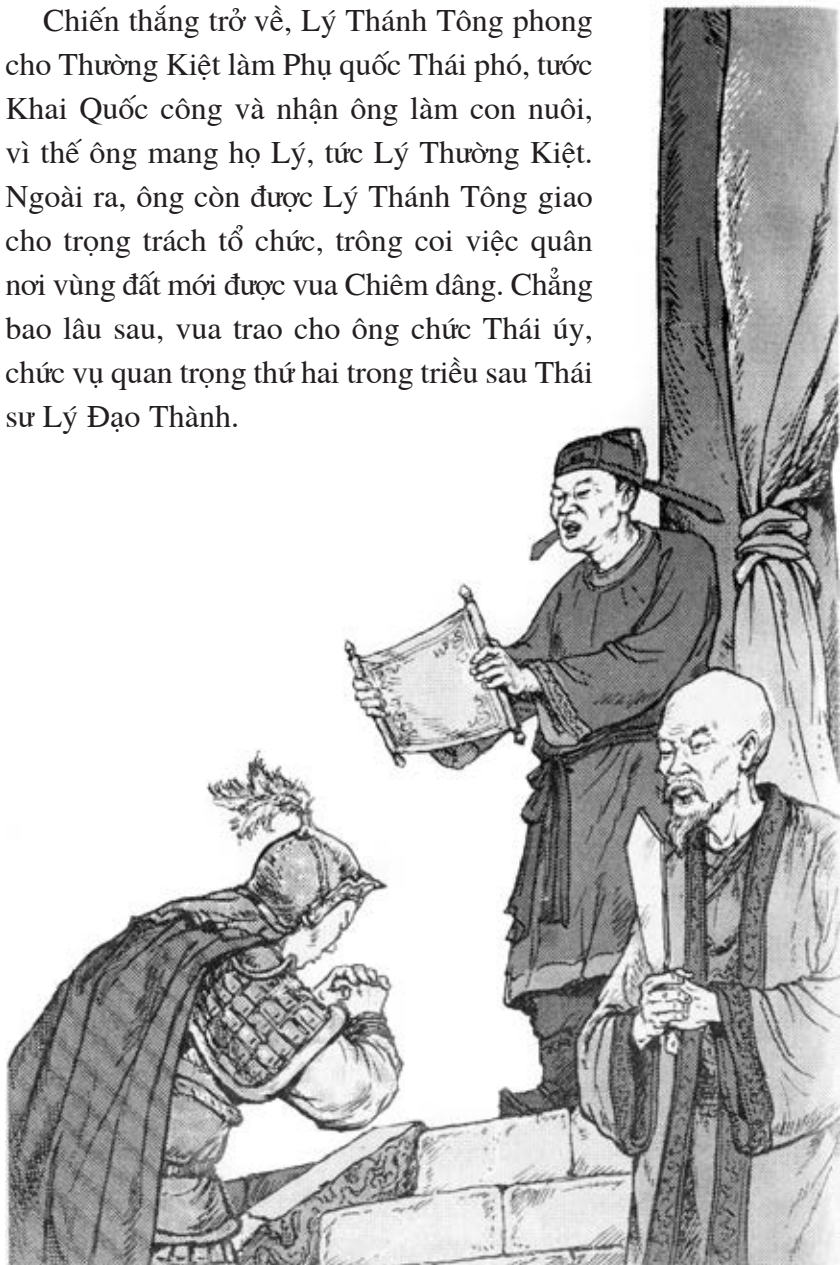


*Hát dặm Quyển Sơn trong ngày hội đền Trú (thờ Lý Thường Kiệt)
ở Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.*

Ảnh: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nam

Tương truyền trên đường trở về kinh đô Thăng Long, Thường Kiệt cùng đoàn quân chiến thắng dừng chân nghỉ ngơi ở Quyển Sơn (xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam ngày nay). Nhân dân địa phương rất vui mừng, cùng nhau tổ chức khao quân ăn mừng chiến thắng. Trong cuộc vui, các thiếu nữ miện hát, tay múa quạt, còn chân thì dặm theo nhịp điệu của lời ca. Cho đến nay, người dân Quyển Sơn hàng năm vẫn tổ chức lễ hội với trò vui múa hát như vậy để ghi nhớ chiến công của vị tướng giỏi triều Lý.

Chiến thắng trở về, Lý Thánh Tông phong cho Thường Kiệt làm Phụ quốc Thái phó, tước Khai Quốc công và nhận ông làm con nuôi, vì thế ông mang họ Lý, tức Lý Thường Kiệt. Ngoài ra, ông còn được Lý Thánh Tông giao cho trọng trách tổ chức, trông coi việc quân nơi vùng đất mới được vua Chiêm dâng. Chẳng bao lâu sau, vua trao cho ông chức Thái úy, chức vụ quan trọng thứ hai trong triều sau Thái sư Lý Đạo Thành.



Tháng giêng năm Nhâm Tý (1072), vua Lý Thánh Tông băng hà. Thái tử Càn Đức lên nối ngôi tức Lý Nhân Tông. Nhân Tông chỉ mới 7 tuổi nên cần có người giúp vua trị nước. Thái sư Lý Đạo Thành vốn là một nhà nho, tuân thủ những quyết định của triều đình nên cứ theo lệ cũ, mời Thái hậu Thượng Dương làm nhiếp chính.



Nhưng Thái úy Lý Thường Kiệt lại lo nghĩ nhiều đến sự hưng vong của triều Lý nên ủng hộ Nguyên phi Ý Lan vì ông hiểu rõ tài trị nước của bà. Với sự phò trợ của Lý Thường Kiệt, Ý Lan lên nắm quyền nhiếp chính bên cạnh vị vua trẻ thay cho Thượng Dương. Lý Thường Kiệt được phong làm Đôn quốc Thái úy, Đại Tướng quân, Đại Tư đồ và ban cho tước hiệu Thượng Phụ công. Ông nắm tất cả quyền bính cả văn lẫn võ trong triều. Tuy đã ngoài năm mươi tuổi, ông vẫn cố đem hết tâm sức để chu toàn mọi việc trong ngoài.

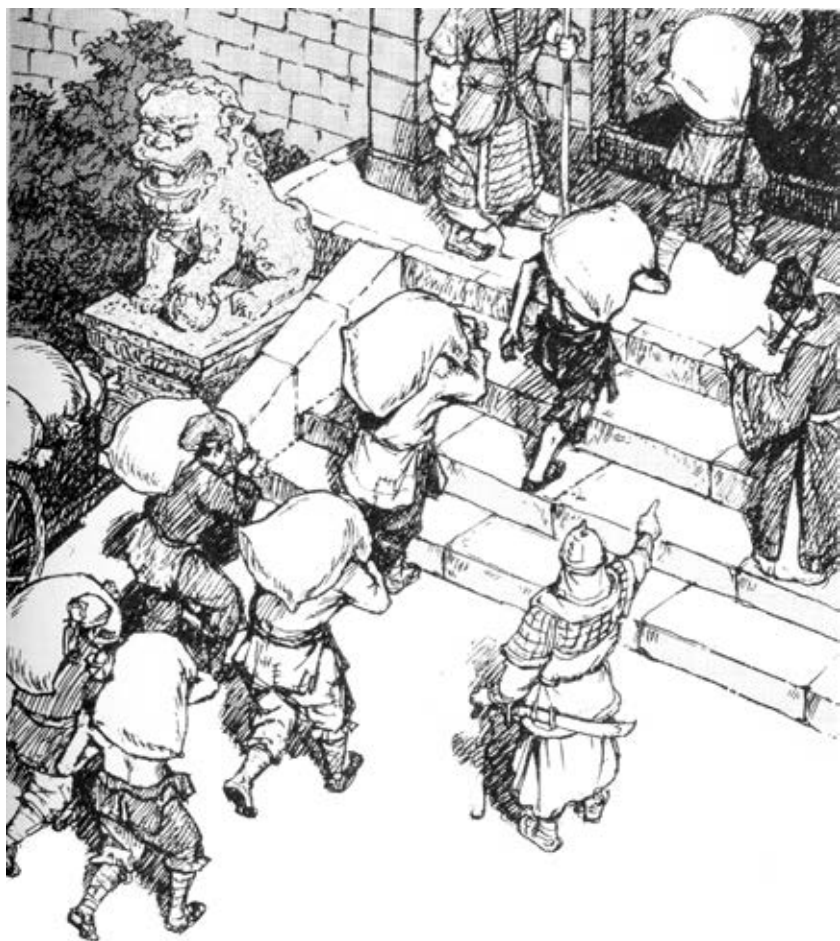


Mặc dù công việc triều chính bận bịu, Lý Thường Kiệt vẫn thường theo dõi tình hình ở nước láng giềng to lớn phía bắc. Ông hiểu rất rõ triều đình nhà Tống đang phải đối phó với vô số khó khăn chồng chất. Bên ngoài, nước Liêu, nước Hạ đánh phá; vua Tống phải cống vàng bạc, của cải cho họ để được yên thân. Bên trong, các quan lại ra sức đục khoét; nên mặc dù dân chúng phải chịu sưu cao thuế nặng nhưng công quỹ vẫn trống rỗng.



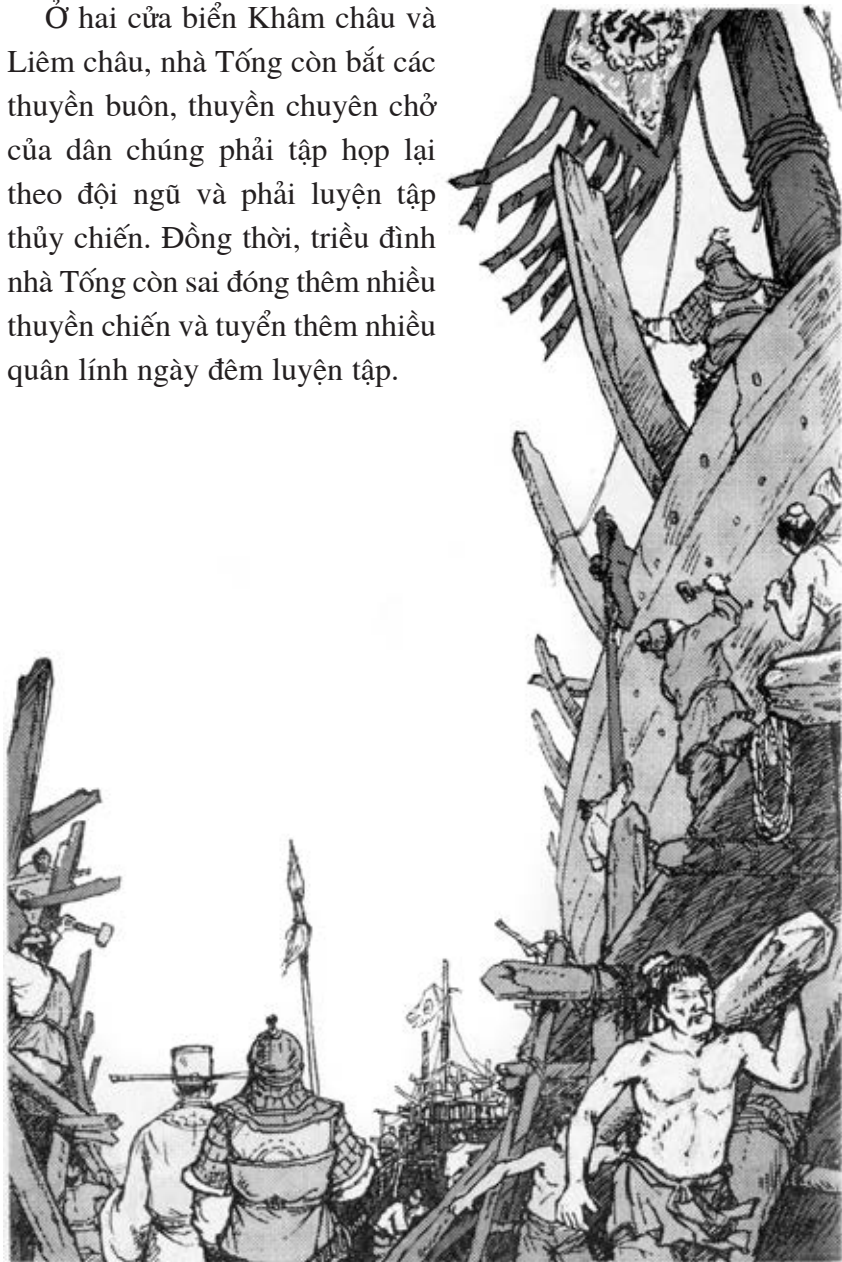


Gần đây, vua Tống cử Vương An Thạch làm Tể tướng. An Thạch đưa ra *Tân pháp* nhằm thu thêm thuế để bù vào khoản thiếu của công khố nên bị nhiều người chống đối. Bí thế, y xui vua Tống xâm lăng Đại Việt nhằm tìm chiến thắng để lấy lại uy tín.



Theo lệnh của Vương An Thạch, các vùng ở phía nam Trung Quốc ráo riết chuẩn bị binh mã. Để có nhiều lương thực cho quân lính và ngựa chiến, nhà Tống bắt dân chúng ở đây phải nộp thuế bằng lúa gạo và cỏ khô. Vì thế, không bao lâu, nhà Tống đã có một lượng lớn lương thảo chất đầy các kho ở thành Ung châu.

Ở hai cửa biển Khâm châu và Liêm châu, nhà Tống còn bắt các thuyền buôn, thuyền chuyên chở của dân chúng phải tập hợp lại theo đội ngũ và phải luyện tập thủy chiến. Đồng thời, triều đình nhà Tống còn sai đóng thêm nhiều thuyền chiến và tuyển thêm nhiều quân lính ngày đêm luyện tập.





Vua Tống còn sai người đem vàng bạc, của cải đến mua chuộc các tù trưởng dân tộc ít người ở vùng biên giới Đại Việt. Và rồi, quan lại nhà Tống dường như sợ ta biết việc chuẩn bị này nên đã ra lệnh cấm người Đại Việt sang Trung Quốc buôn bán... Qua những tin cấp báo ấy, Lý Thường Kiệt hiểu ngay rằng triều đình nhà Tống đang ráo riết chuẩn bị xâm lăng nước ta.

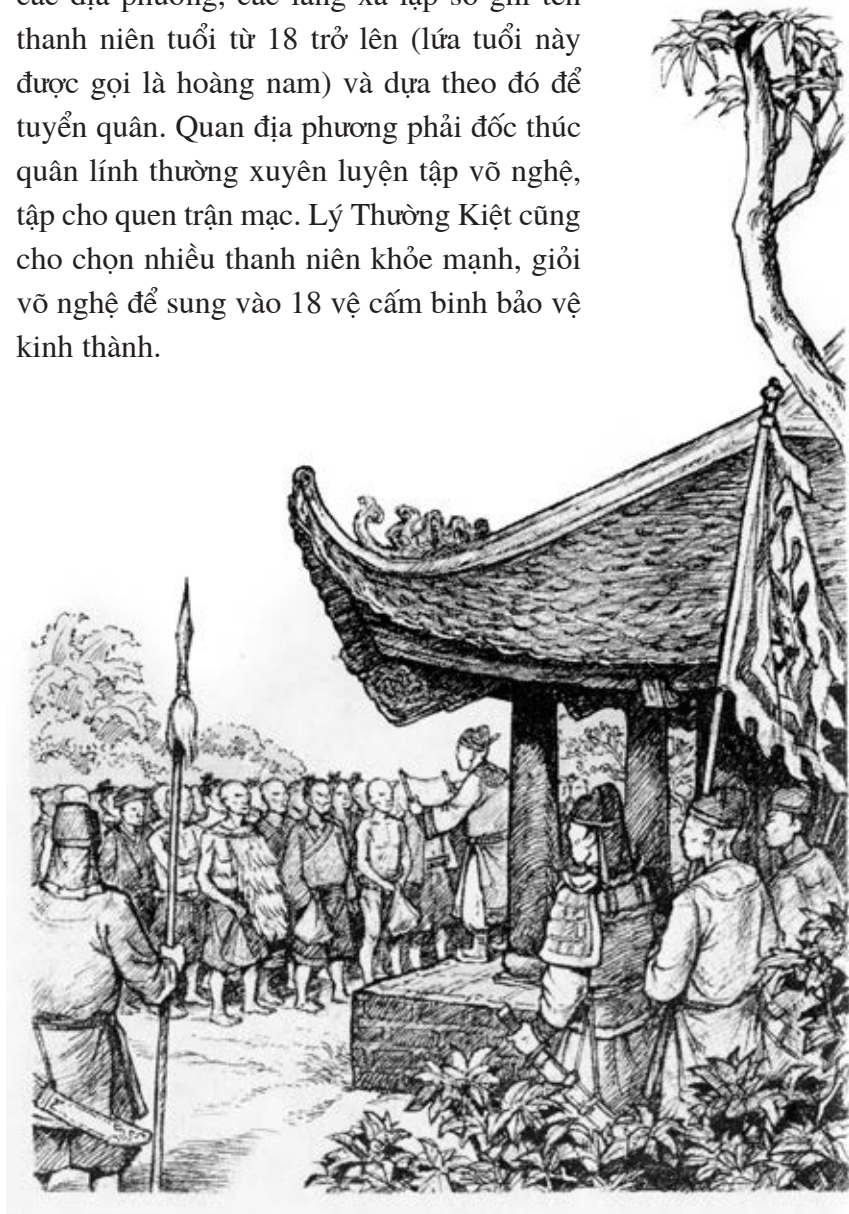


Lúc này, triều đình nhà Lý đang có sự chia rẽ sau vụ chọn người nhiếp chính, Lý Đạo Thành đang bị biếm vào tận Nghệ An. Tình hình đó khiến Lý Thường Kiệt hết sức lo lắng. Muốn chống được quân xâm lăng, trước hết phải tạo sự đoàn kết trong nước; mà như vậy, việc xóa tan sự bất hòa trước đây là điều cần phải làm ngay. Nghĩ vậy, ông vội vào triều yết kiến Linh Nhân Thái phi Ý Lan để bàn bạc.

Bản thân Lý Thường Kiệt làm gương cho mọi người về tinh thần hòa giải đó. Ông sai người vào Nghệ An rước Lý Đạo Thành về và tâu xin vua phong cho Lý Đạo Thành làm Thái phó Bình chương Quân quốc Trọng sự, tức vị Tể tướng thứ hai. Vốn là người trung thành với triều đình, Lý Đạo Thành lại hết lòng trông nom việc triều chính. Nhờ đó, Lý Thường Kiệt tập trung sức lực vào việc tăng cường binh bị.



Lý Thường Kiệt ra lệnh cho các quan ở các địa phương, các làng xã lập sổ ghi tên thanh niên tuổi từ 18 trở lên (lứa tuổi này được gọi là hoàng nam) và dựa theo đó để tuyển quân. Quan địa phương phải đốc thúc quân lính thường xuyên luyện tập võ nghệ, tập cho quen trận mạc. Lý Thường Kiệt cũng cho chọn nhiều thanh niên khỏe mạnh, giỏi võ nghệ để sung vào 18 vệ cấm binh bảo vệ kinh thành.



Trong khi đó, Lý Thường Kiệt lại nhận được tin cấp báo gửi về cho biết Vương An Thạch đang âm mưu xúi giục Chiêm Thành đánh nước ta để lấy lại vùng đất đã nhường cho Đại Việt trước đây. Hai bên ước hẹn khi nào nhà Tống tiến quân thì Chiêm Thành cũng đánh vào biên giới phía nam của Đại Việt làm hậu thuẫn.



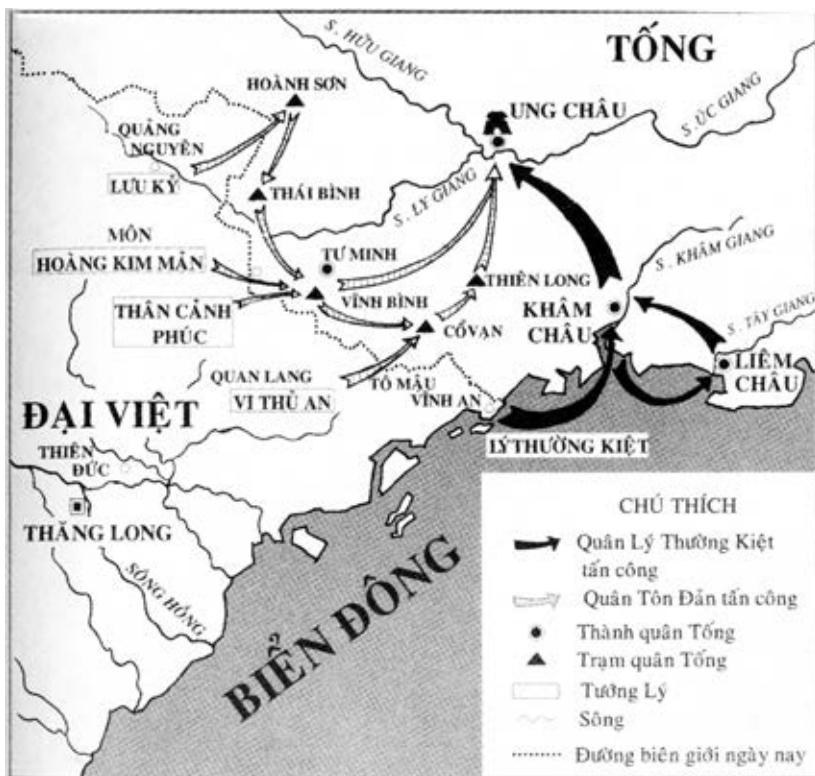
Lý Thường Kiệt lập tức đích thân dẫn quân đi tuần tra và tổ chức phòng bị biên giới phía nam. Ông cho vẽ bản đồ ba châu Bố Chính, Ma Linh, Địa Lý. Tại các vị trí hiểm yếu, ông sai đào hào đắp lũy, xây đồn và đặt quân trú phòng.





Sau khi củng cố lực lượng và yên tâm về mặt bố phòng, Lý Thường Kiệt chợt nảy ra một ý định táo bạo: “*Không lẽ ta cứ lo phòng bị và chờ quân giặc chuẩn bị xong xuôi kéo đến tàn phá đất nước rồi mới đánh trả. Làm như thế sao bằng ta đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc, phá thế mạnh của chúng*”. Ông thận trọng cân nhắc kỹ mọi điều lợi hại rồi lập tức vào triều để bàn bạc. Linh Nhân Thái hậu và các trọng thần đều thấy cần thiết phải tấn công trước để tự vệ.





Bản đồ đường tiến công thủy bộ của Lý Thường Kiệt

Lý Thường Kiệt hoạch định kế sách tiến công và trực tiếp chỉ huy đại quân. Mục đích cuộc ra quân của ông là tập kích vào các thành Ung châu, Khâm châu và Liêm châu để phá hủy các kho dự trữ vũ khí, lương thực mà nhà Tống tích trữ để tiến hành xâm lược Đại Việt; sau đó rút về phòng thủ đất nước chờ đón đánh quân giặc kéo sang. Để chắc thắng, Lý Thường Kiệt đã huy động hơn 10 vạn quân chia làm hai cánh thủy, bộ cùng phối hợp tấn công vào các cứ điểm quan trọng này.

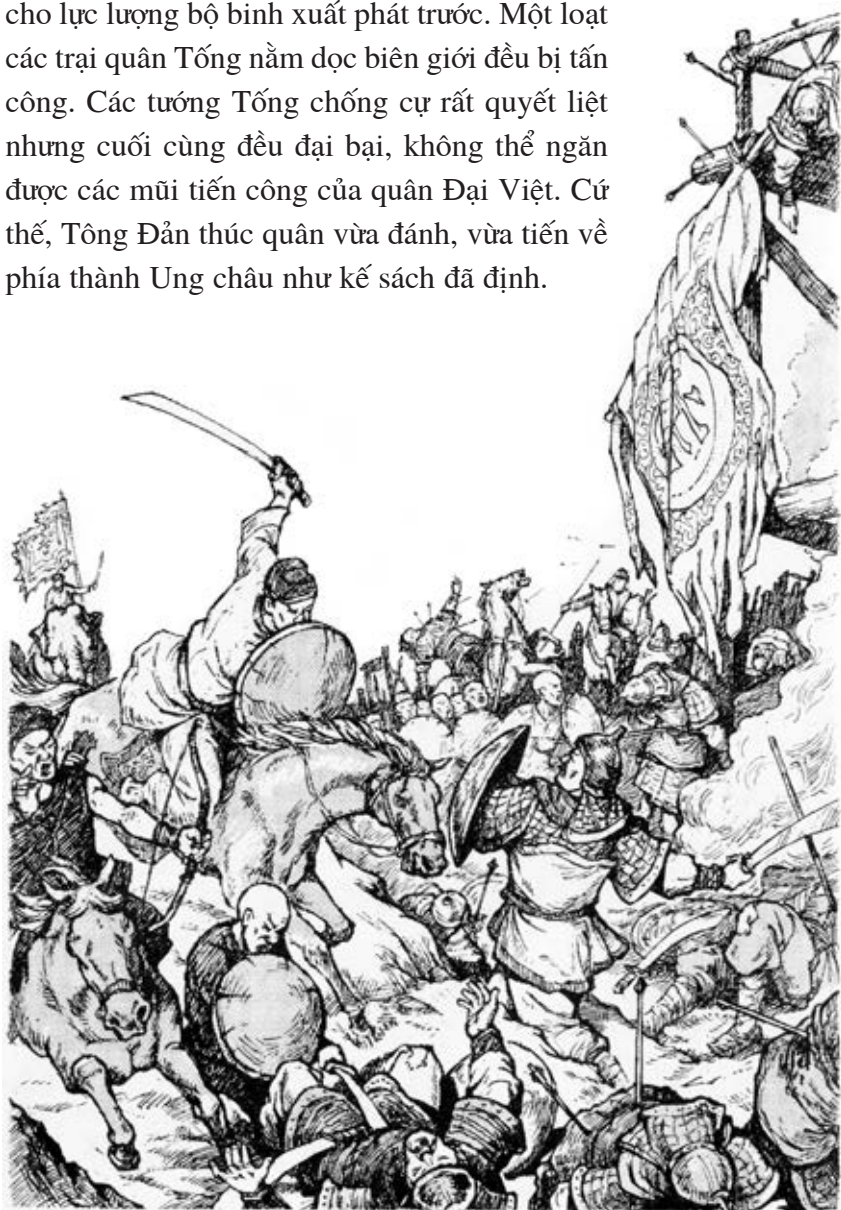
Ở cánh quân bộ, Lý Thường Kiệt sử dụng lực lượng chủ yếu là quân lính các dân tộc ít người do tù trưởng của họ chỉ huy: Lưu Kỷ cầm quân vùng Quảng Nguyên, Hoàng Kim Mãn nắm vùng Môn châu, vùng Lạng châu có phò mã Thân Cảnh Phúc... Các toán quân này sẽ chịu sự thống lĩnh chung của tù trưởng - phó tướng Tông Đản, theo nhiều ngã đánh vào các trại quân Tống ở dọc con đường từ biên giới đến Ung châu, sau đó bao vây thành, chờ quân thủy đến tiếp ứng.



Còn cánh quân thủy, cũng là cánh quân chủ lực do Lý Thường Kiệt đích thân chỉ huy, tập trung ở châu Vĩnh An (nay thuộc Móng Cái, Quảng Ninh), rồi theo đường thủy đánh vào Khâm châu, Liêm châu. Cuối cùng đại quân sẽ tiến đến thành Ung châu để hợp lực với cánh quân bộ.



Mọi việc chuẩn bị đã xong, Lý Thường Kiệt cho lực lượng bộ binh xuất phát trước. Một loạt các trại quân Tống nằm dọc biên giới đều bị tấn công. Các tướng Tống chống cự rất quyết liệt nhưng cuối cùng đều đại bại, không thể ngăn được các mũi tiến công của quân Đại Việt. Cứ thế, Tông Đản thúc quân vừa đánh, vừa tiến về phía thành Ung châu như kế sách đã định.





Cuối tháng 11 năm Ất Mão (tức cuối tháng 12 năm 1075), Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho đại quân lên thuyền vượt biển tiến vào nước Tống. Đoàn thuyền chiến đi qua các đảo nằm dọc bờ biển và chỉ một ngày đã vào đến vịnh Khâm châu.

Khi quân Lý đổ bộ vào thành, quân Tống hoàn toàn bị bất ngờ. Quan giữ thành là Trần Vĩnh Thái, mặc dầu trước đó đã được cấp báo tin tức về việc hội quân của quân Đại Việt nhưng cho rằng lúc này đang mùa gió lớn, quân Việt không thể vượt biển lúc gió ngược được nên không phòng bị, lo bày tiệc vui chơi. Vì thế, quân ta hạ thành một cách dễ dàng, bắt sống Trần Vĩnh Thái cùng tất cả quân Tống ở đấy.





Sau khi hạ thành Khâm, Lý Thường Kiệt cho một lực lượng quân thủy tiến dọc bờ biển về phía bắc để đánh vào Liêm châu. Quân Tống ở đây đều đã biết tin chiến sự xảy ra ở Khâm châu nên tăng cường phòng bị rất kỹ lưỡng. Tuy nhiên, trước sức tấn côngồ ạt của quân Đại Việt, chỉ một vài ngày sau, thành Liêm cùng các thành nhỏ quanh đó đều nhanh chóng thất thủ.





Để được sự ủng hộ của dân Tống, Lý Thường Kiệt viết bài *Phạt Tống lộ bố văn*, nêu rõ mục đích chính nghĩa của cuộc tập kích, đồng thời vạch trần tội ác của Vương An Thạch và triều đình nhà Tống đã làm “*trăm họ một nhọc lầm than mà riêng thỏa cái mưu nuôi mình béo mập*” rồi sai đem niêm yết các nơi. Dân chúng địa phương vốn khổ cực vì sưu cao thuế nặng và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại, hết sức vui mừng. Họ gọi ông là người cha họ Lý. *Phạt Tống lộ bố văn* chứng tỏ ngoài thiên tài về quân sự, Lý Thường Kiệt còn có tài năng về văn học.

Sau khi phá hủy chiến thuyền, chiến cụ và thu toàn bộ lương thảo mà Vương An Thạch cho tích chứa ở các thành này, Lý Thường Kiệt đem đại quân tiến về hướng thành Ung châu. Quân Đại Việt đi đến đâu cũng được dân địa phương đem trâu, rượu ra khao nên cuộc hành binh thêm phần thuận lợi, nhanh chóng. Sau hơn nửa tháng, Lý Thường Kiệt đã dẫn quân đến Ung châu mà không gặp một sự kháng cự nào.



Ung châu là một vị trí quan trọng nên nhà Tống cho xây thành lũy rất kiên cố. Chính Vương An Thạch từng huênh hoang: *“Nhất định không ai có thể phá nổi thành Ung châu”*. Trọng trách giữ thành được giao cho viên tướng dày dạn trận mạc là Tô Giám. Khi Tông Đản tiến đánh, Tô Giám cho người đến Quế châu cách đây 14 ngày đường xin viện binh và đóng chặt cửa thành cố thủ. Y giữ quân lệnh rất nghiêm, ai dao động hoặc tìm cách trốn chạy đều bị chém.



Lý Thường Kiệt tiến đến Ung châu phối hợp với cánh quân của Tông Đản đánh phá thành. Quân Đại Việt lớp dùng máy bắn đá, bắn tên lửa vào trong; lớp dùng thang cố trèo lên. Tô Giám chỉ huy quân Tống kháng cự, dùng vũ khí phun lửa đốt cháy thang và ngăn được quân ta. Lý Thường Kiệt lại sai đào đường hầm vào thành nhưng vẫn không thành công. Cứ thế, hai bên giằng co rất quyết liệt.

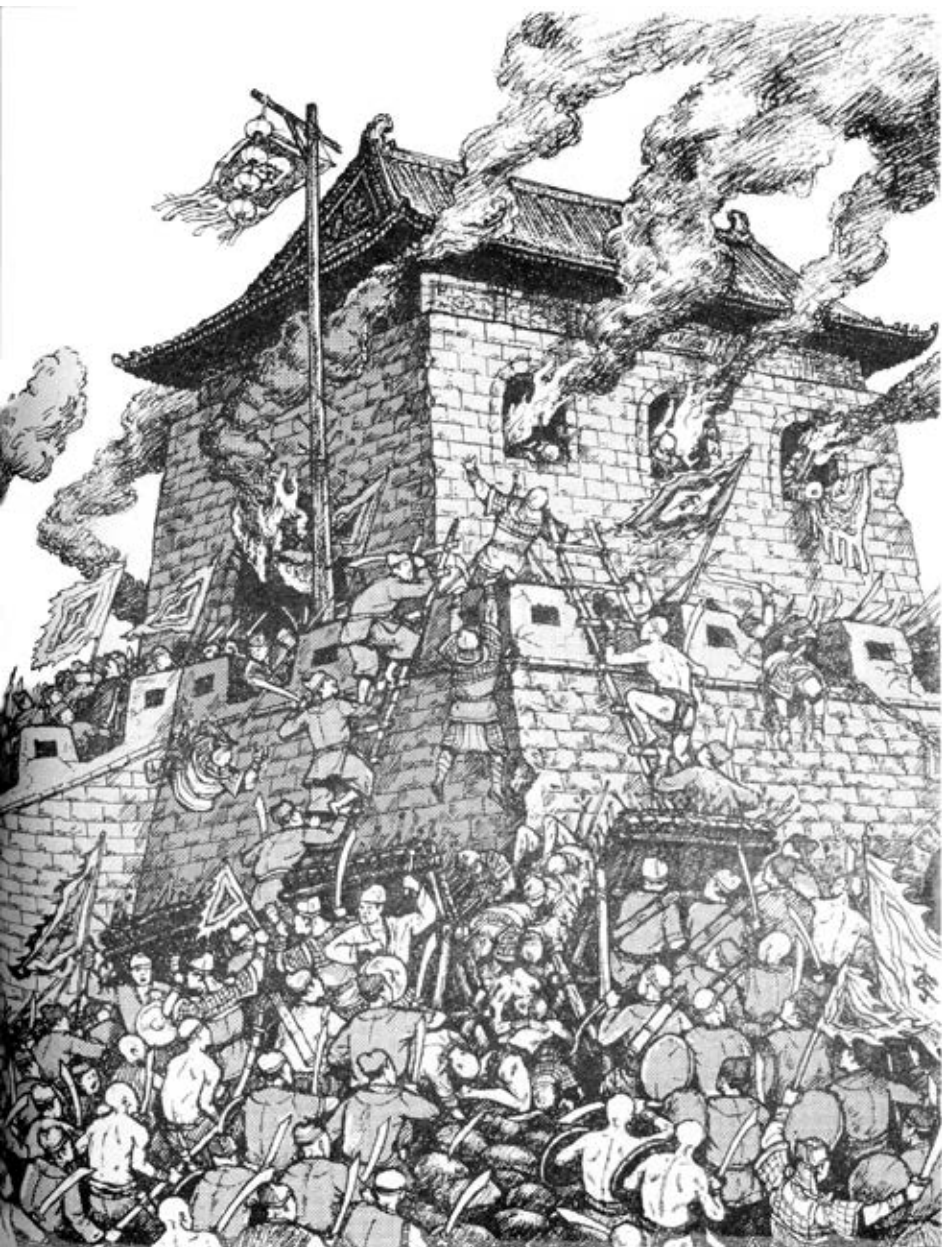


Trong lúc quân ta vây chặt và không ngớt tấn công vào thành Ung châu, Lý Thường Kiệt được tin Trương Thủ Tiết từ Quế châu đem quân đến giúp Tô Giám. Do đã dự kiến trước, ông lập tức phái một lực lượng chọn chỗ hiểm yếu mai phục. Tiết nghe tin quân Lý vừa đông, vừa thiện chiến nên trù trù không dám tiến nhanh. Đến ải Côn Lôn (phía bắc Ung châu), quân của y lọt vào nơi phục binh của quân Việt và bị tiêu diệt.

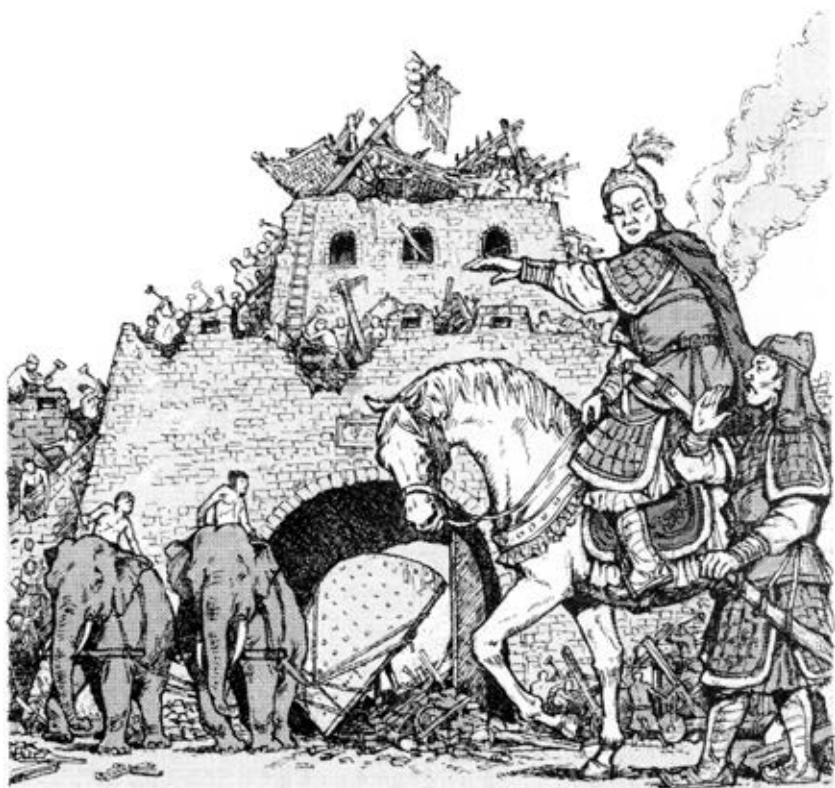


Vây hãm hơn một tháng trời mà vẫn không hạ được thành Ung châu khiến Lý Thường Kiệt lo lắng. Cuộc chiến càng kéo dài càng bất lợi vì Vương An Thạch có thể đưa lực lượng lớn đến tiếp viện. Quan sát bức tường thành cao như thách thức đó, đột nhiên, một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu vị tướng soái. Ông lập tức sai lính đổ đất vào những bao nhỏ vừa sức người mang. Sau đó, cứ vài người khiêng một tấm ván dày để chắn tên đạn từ trên thành bắn xuống cho số khác mang bao đất vào đặt cạnh chân thành. Những bao đất chồng chất dần lên cao tạo nên con đường cho quân Lý tràn lên. Nhờ thế, cuối cùng, sau 42 ngày vây hãm, thành Ung châu đã bị hạ.





Với con mắt nhìn xa trông rộng, Lý Thường Kiệt sai san bằng thành lũy, lấy gạch đá lấp sông ngăn đường tiến của thủy quân Tống sau này. Vậy là sau gần năm tháng kể từ lúc chuẩn bị tập kết quân đến nay, cuộc tấn công bất ngờ, chủ động để tiêu diệt sinh lực chiến tranh của địch đã hoàn toàn thắng lợi. Lý Thường Kiệt cho rút quân về nước.





Biết nhà Tống tuy mất một phần sinh lực chiến tranh nhưng chưa từ bỏ tham vọng xâm lược; vì thế, ngay sau khi về nước, Lý Thường Kiệt cùng triều đình nhà Lý lo chuẩn bị việc phòng thủ. Cuộc tập kích vào đất Tống đại thắng khiến từ triều đình đến dân chúng Đại Việt đều hồ hởi. Khắp cả nước, đâu đâu cũng sôi nổi không khí chuẩn bị chiến đấu. Thanh niên trai tráng các nơi nô nức tòng quân. Các lò rèn ngày đêm đổ lửa đúc thêm khí giới.

Lý Thường Kiệt cho sửa sang thành lũy, lập đồn trại phòng thủ tại những nơi hiểm yếu như ải Quyết Lý (ở phía bắc châu Quang Lang) và ải Giáp Khẩu (tức ải Chi Lăng). Lại cho quân thủy chốt chặn trên con đường biển từ Trung Quốc sang. Đặc biệt, ở bờ nam sông Như Nguyệt (nay là sông Cầu), ông cho lập một phòng tuyến quan trọng gồm nhiều dây cọc tre đóng thành những hàng rào liên tiếp nhau rộng hàng trăm mét. Sau rào tre là lũy đất dày, chạy dài theo bờ sông. Đó là phòng tuyến cuối cùng chặn quân giặc ngay trước lối vào kinh thành.



Quả nhiên, tuy bị cuộc tấn công của Lý Thường Kiệt đẩy vào thế bị động, phải điều quân từ miền bắc xuống, vua Tống vẫn cử Quách Quỳ làm Nguyên soái, Triệu Tiết làm phó, đem đại quân sang đánh Đại Việt. Trước khi xuất quân, Tống Thần Tông nói rõ ý đồ xâm chiếm nước ta: “*Sau khi bình được Giao Châu, sẽ đặt quận huyện như ở nội địa*”.





Lực lượng của Quách Quỳ có cả quân bộ, quân kỵ và quân thủy, tổng cộng lên đến 10 vạn người và 1 vạn ngựa. Ngoài ra, còn có 20 vạn dân phu đi theo để vận chuyển lương thảo. Vì số lương chuẩn bị cho đội quân xâm lược tích lũy bấy lâu nay đã bị quân Lý phá hủy, nên nhà Tống tăng cường trưng thu thóc lúa khiến dân Tống vô cùng khốn đốn, nhiều nơi không nộp nổi số lượng đã quy định. Số còn thiếu, chúng hy vọng sẽ cướp được từ những vùng đất Đại Việt mà chúng chiếm đóng.



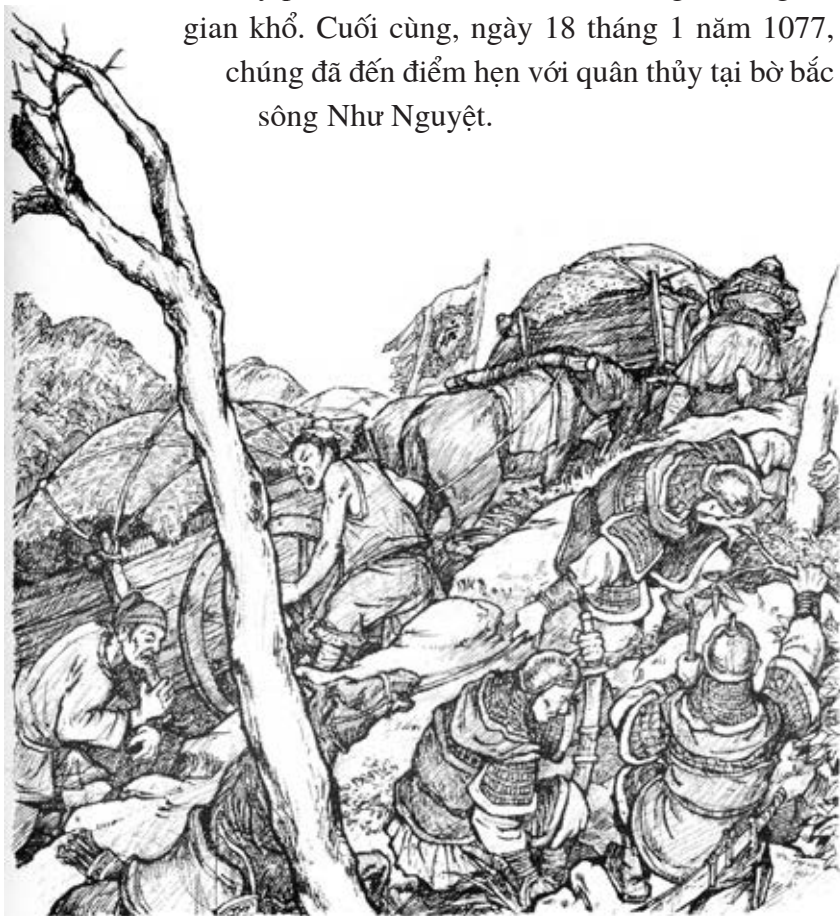
Khoảng tháng 10 năm 1076, Quách Quỳ kéo quân đến Tư Minh gần biên giới Đại Việt. Y đóng quân ở đấy suốt 70 ngày để dò la động tĩnh và tìm cách mua chuộc một số tù trưởng người dân tộc. Đến tháng 12 năm ấy, Quách Quỳ dẫn quân tràn sang nước ta. Gặp thôn làng nào, chúng đều cướp phá, giết chóc và triệt hạ không thương tiếc. Thủy quân Tống do Hòa Mân và Dương Tùng Hiền chỉ huy cũng lên đường để phối hợp với quân bộ.



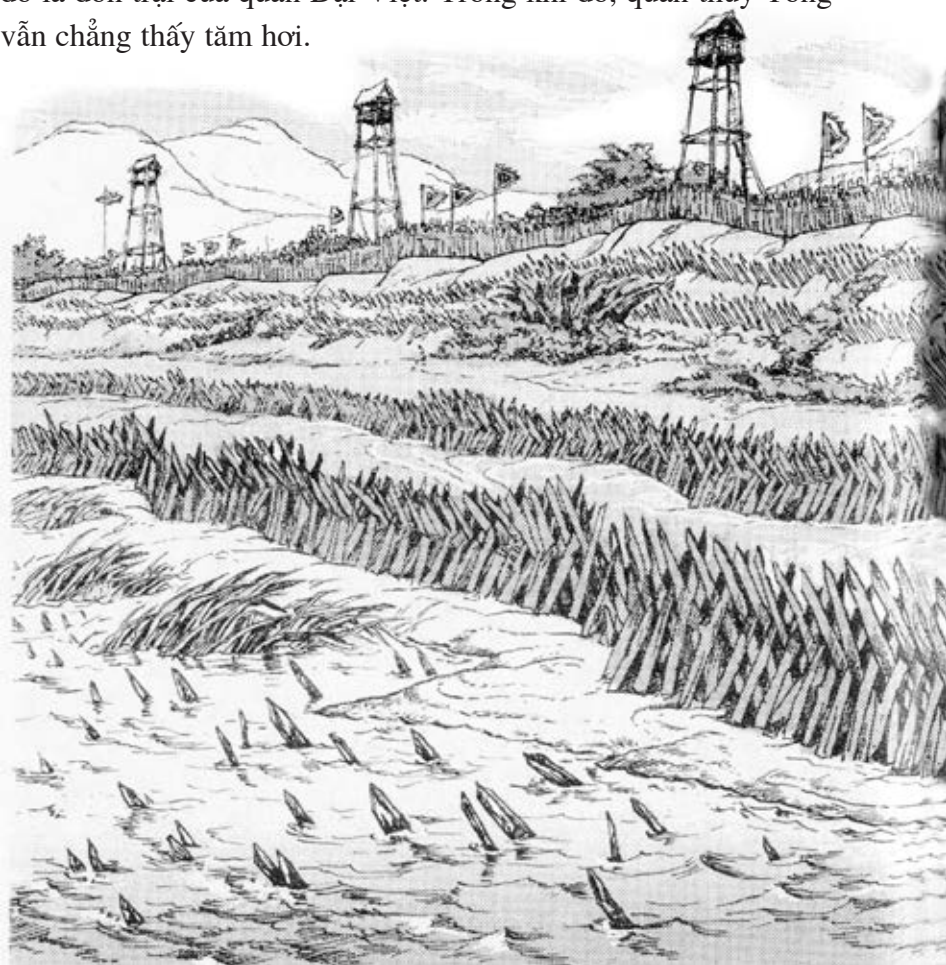
Quân Đại Việt chống trả quyết liệt. Tại ải Quyết Lý, tiền quân do Phò mã Thân Cảnh Phúc chỉ huy dùng voi trận xông vào giữa đám quân Tống. Voi chiến rống vang, dùng vòi cuốn, dùng chân dẫm chết vô số giặc. Quân của Phò mã thừa cơ xáp tới nhưng vì lực lượng nhỏ yếu, không thể chặn được đại quân Tống. Phò mã cho rút quân vào rừng và tiếp tục chặn đánh những toán quân địch di chuyển lẻ tẻ khiến chúng vô cùng khiếp sợ.

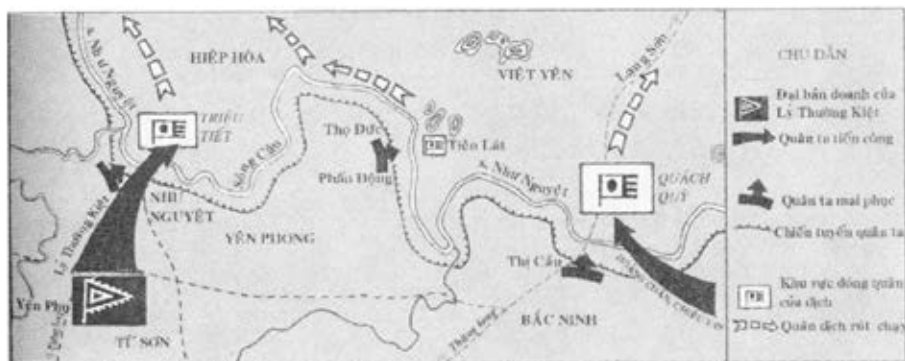
Sau ải Quyết Lý, đường tiến quân của Quách Quỳ phải qua ải Chi Lăng. Đoạn đường hiểm trở đó là nơi gần một trăm năm trước, Hầu Nhân Bảo đã bị Lê Hoàn đánh cho không còn manh giáp. Việc xảy ra đã lâu nhưng vẫn làm cho Quách Quỳ kinh hãi. Y không dám đi ngang qua ải mà dẫn quân đánh vòng, vượt dãy Bắc Sơn. Vì thế quân Tống thoát khỏi quân mai phục do Lý Thường

Kiệt bố trí sẵn chờ chúng tại đây. Tuy nhiên, đoàn quân của Quách Quỳ phải tốn nhiều sức lực vì đường đi vòng rất gian khổ. Cuối cùng, ngày 18 tháng 1 năm 1077, chúng đã đến điểm hẹn với quân thủy tại bờ bắc sông Như Nguyệt.



Lúc này quân Tống đã đứng trước ngưỡng cửa đồng bằng Bắc bộ và không xa nữa là Kinh đô Thăng Long. Vào được vùng này, chúng có thể cướp được nhiều của cải và nhất là lương thực, thứ mà chúng đang thiếu thốn. Tuy nhiên, trước mặt chúng không phải là con đường rộng mở mà là dòng sông rộng và sừng sững bên kia bờ sông là một lũy đất cao, dày đặc tre gai, tháp thoáng sau đó là đồn trại của quân Đại Việt. Trong khi đó, quân thủy Tống vẫn chẳng thấy tăm hơi.



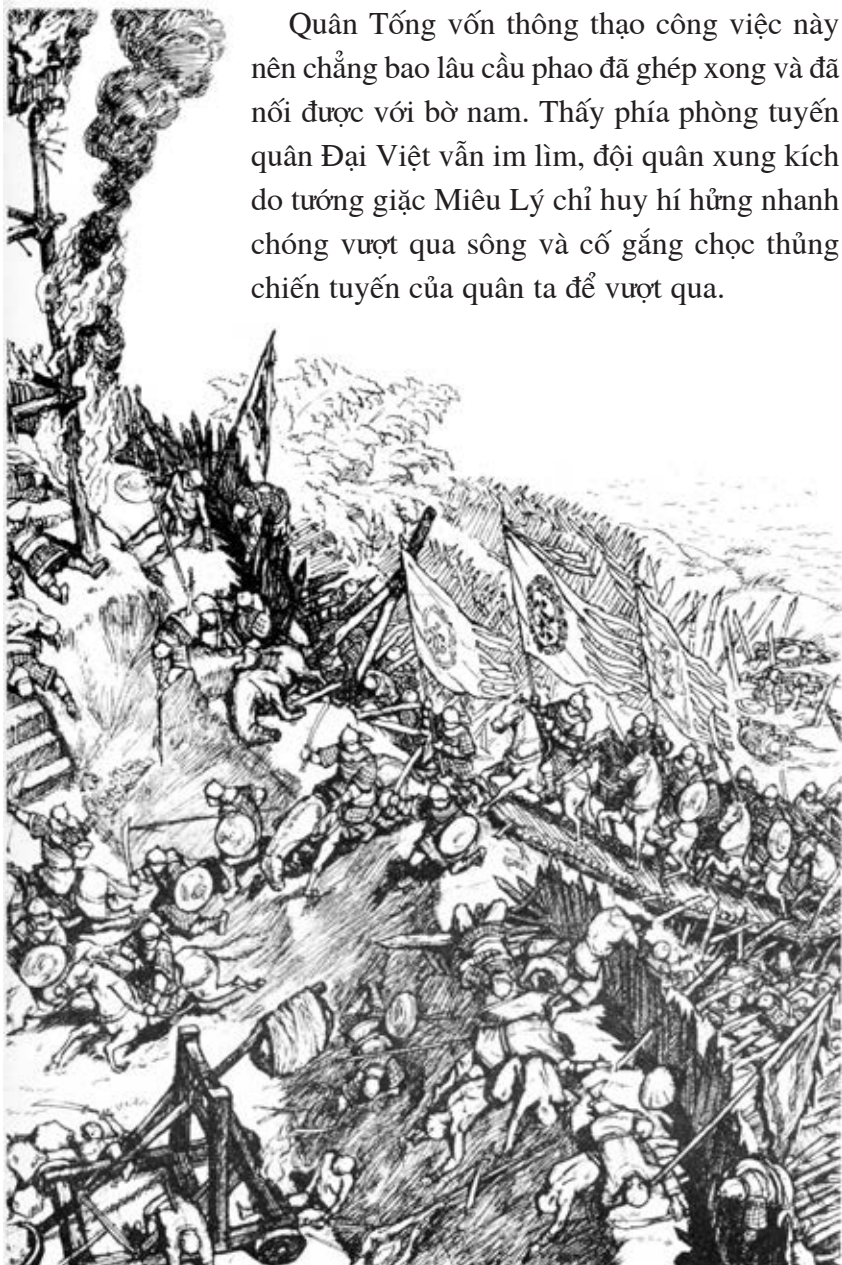


Sơ đồ trận phản công chống Tống ở phòng tuyến Như Nguyệt.

Là viên tướng giàu kinh nghiệm và thận trọng, Quách Quỳ ra lệnh cho đại quân dừng lại đợi quân thủy. Y và Triệu Tiết chia quân chốt ở hai nơi, còn lại hạ trại rải dọc bờ sông. Ít ngày sau vẫn không thấy quân thủy đến, mà quân Đại Việt ở bờ nam cũng không có động tĩnh gì, các thuộc tướng dưới quyền hối thúc Quách Quỳ cho đánh vì sợ lương ít, đóng lâu sẽ bất lợi. Quách Quỳ đành phải đồng ý, sai Vương Tiến làm cầu phao để vượt sông. Quân Tống tỏa ra các nơi, chặt tre, kết thành nhiều chiếc bè nhỏ để ghép lại làm cầu.



Quân Tống vốn thông thạo công việc này nên chẳng bao lâu cầu phao đã ghép xong và đã nối được với bờ nam. Thấy phía phòng tuyến quân Đại Việt vẫn im lìm, đội quân xung kích do tướng giặc Miêu Lý chỉ huy hí hửng nhanh chóng vượt qua sông và cố gắng chọc thủng chiến tuyến của quân ta để vượt qua.

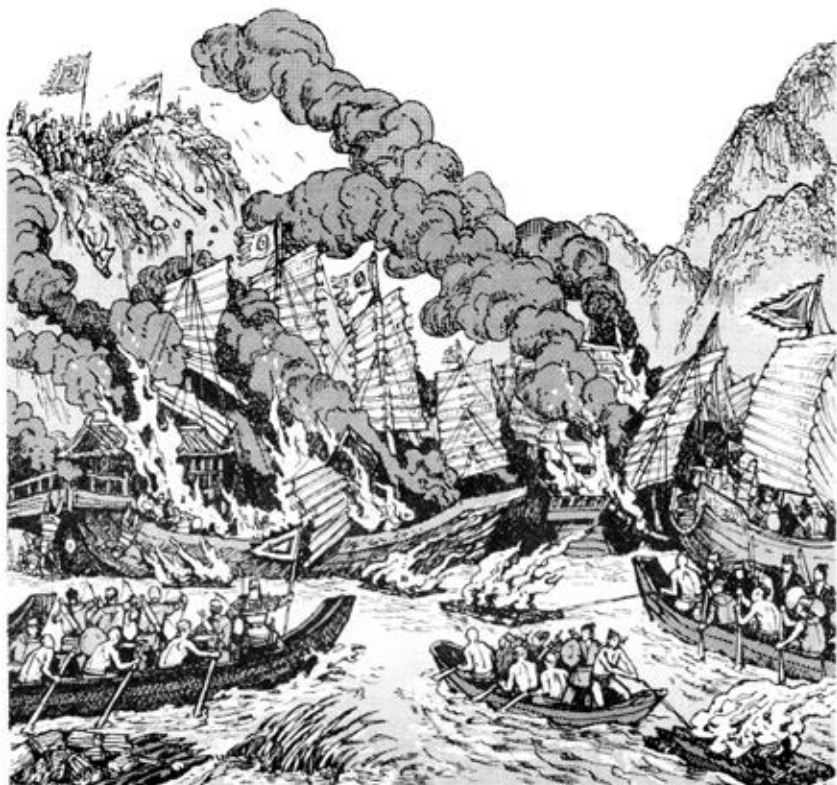




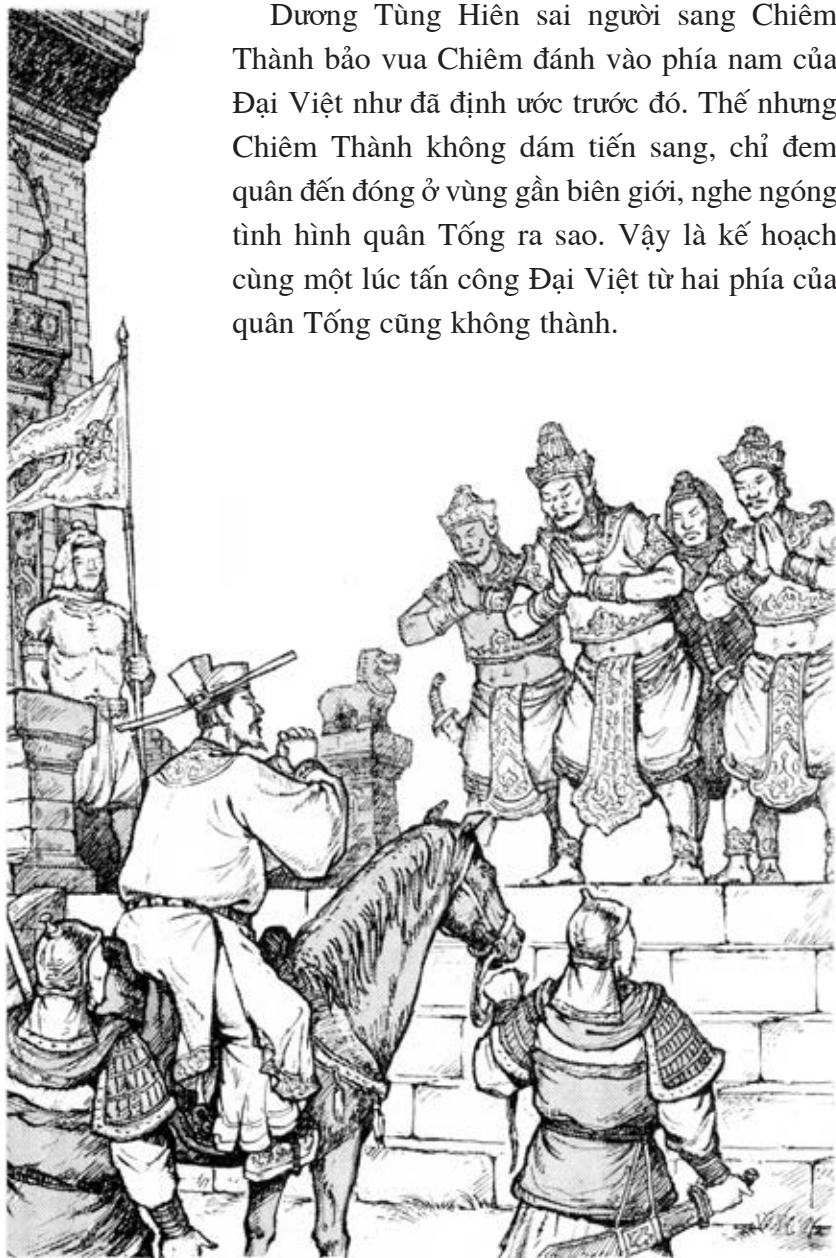
Bất chợt, một hồi trống vang lên. Quân của Lý Thường Kiệt từ chỗ mai phục xông ra cắt cánh quân giặc làm hai và vây đánh dữ dội. Quân Tống ít ỏi nên không thể chống đỡ, định quay lại bờ sông theo cầu phao rút chạy thì cầu phao đã bị chặt đứt từ lúc nào. Đã vậy, quân Đại Việt đuổi rất phía sau. Bí thế, quân Tống lao bừa xuống sông, bị dòng sông cuốn trôi vô số. Cuộc tiến công mở màn của giặc bị thất bại thảm hại, phần lớn đội quân xung kích bị tiêu diệt, chỉ còn Miêu Lý và số ít tàn binh thoát được về bờ bắc.

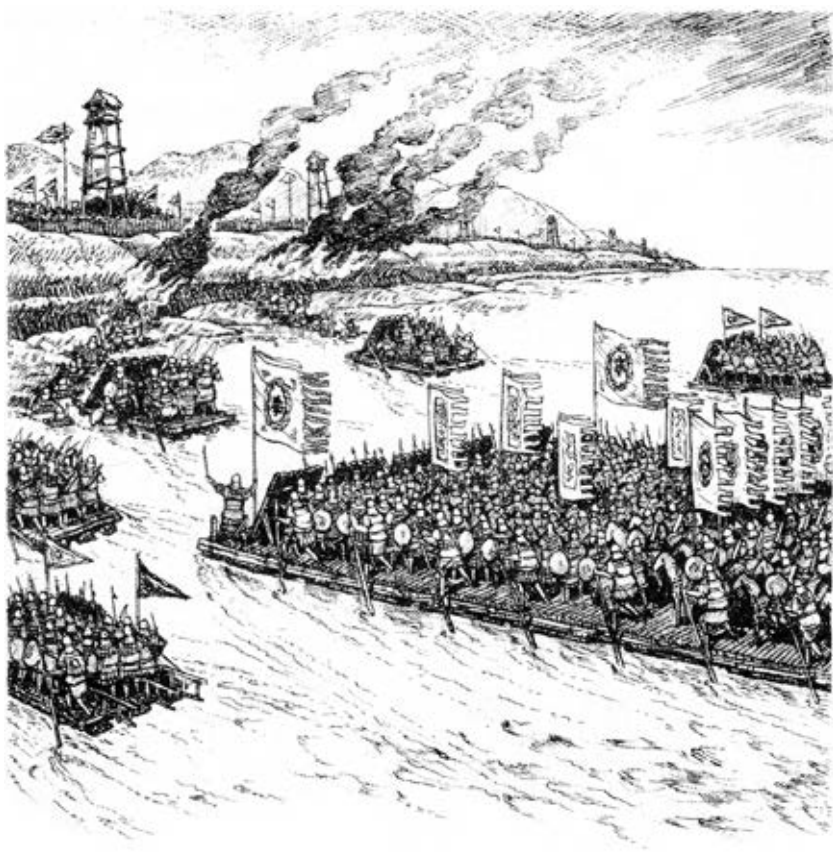


Sau trận này, Quách Quỳ không dám cho quân vượt sông ngay mà chờ thủy quân đến phối hợp. Thế nhưng số phận của thủy quân Tống do Hòa Mẫn và Dương Tùng Hiên thống lĩnh chẳng hơn gì cánh quân bộ. Chiến thuyền của chúng men theo bờ biển định vào sông Bạch Đằng thì gặp ngay thủy quân Đại Việt do Lý Kế Nguyên chỉ huy chặn đánh. Sau nhiều trận giao chiến, chiến thuyền Tống không thể nào tiến sâu vào nội địa được.



Dương Tùng Hiền sai người sang Chiêm Thành bảo vua Chiêm đánh vào phía nam của Đại Việt như đã định ước trước đó. Thế nhưng Chiêm Thành không dám tiến sang, chỉ đem quân đến đóng ở vùng gần biên giới, nghe ngóng tình hình quân Tống ra sao. Vậy là kế hoạch cùng một lúc tấn công Đại Việt từ hai phía của quân Tống cũng không thành.





Không hề biết điều này, Quách Quỷ vẫn ngày ngày mỗi mắt chờ đợi thủy quân Tống. Trong khi đó, lương thảo mỗi ngày một vơi, bệnh dịch cũng bắt đầu phát sinh. Đã vậy, dân binh Việt thường xuyên đột kích từ phía sau lưng. Suy tính mãi, cuối cùng Quách Quỷ cho quân đóng những chiếc bè lớn có thể chở mỗi lần 50 tên để chuẩn bị vượt sông lần thứ hai.



Lý Thường Kiệt thấy rõ chỗ yếu trong kế hoạch tấn công của Quách Quỳ, đợi lúc bè của chúng chở quân tới, ông cho lính bắn hàng loạt tên và đá xuống. Bè lớn nên di chuyển chậm chạp, nhiều bè bị vỡ khiến hàng ngàn tên giặc tiếp tục vùi thân xuống dòng sông. Số quân Tống đã đổ bộ được lên bờ, đang loay hoay chặt phá và đốt những lớp rào tre dày đặc thì bị quân Đại Việt từ các chiến lũy tràn xuống đánh trả quyết liệt.



Toán quân Tống bị rơi vào hoàn cảnh vô cùng khốn đốn vì muốn đánh cũng không được mà rút chạy thì không có bề. Quân ta chỉ việc vây chúng lại mà tiêu diệt. Số còn lại đều phải đầu hàng. Trận thua đau đó làm cho Quách Quỳ không dám nghĩ đến chuyện vượt sông nữa. Y dứt khoát ra lệnh phải chờ thủy quân đến hỗ trợ và tuyên bố với thuộc hạ: “Ai còn bàn việc đánh sẽ chém!”.



Thời gian trôi qua, Quách Quỳ vô cùng lo lắng vì chẳng có một chút tin tức gì về toán quân thủy. Lúc này, lương thực mang theo đã cạn, ý định bổ sung phần lương thực thiếu bằng cướp bóc cũng không được vì dân cư quanh đó thưa thớt và đều tránh đi nơi khác. Đã vậy, lúc này thời tiết thay đổi, bệnh dịch bắt đầu hoành hành. Tuy lúc xuất quân, vua Tống đã cho quân y viện chọn 75 bài thuốc trị lam chương mang theo nhưng số quân ốm đau vẫn ngày một nhiều.

Nắm được tình hình của giặc, Lý Thường Kiệt chia quân làm hai mũi, tập kích vào hai chốt cứ điểm quan trọng của chúng. Một mũi do hai Hoàng tử Hoàng Chân và Chiêu Văn từ Vạn Xuân, ngược sông tiến công vào đại bản doanh của Quách Quỳ. Quân Tống dùng súng bắn đá làm vỡ nhiều thuyền chiến của ta. Hai hoàng tử đều tử trận. Tuy nhiên quân Tống cũng bị nhiều thiệt hại và chống đỡ khá vất vả.



Trong khi đó, mũi tập kích thứ hai do Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh thẳng vào trại quân của phó tướng Triệu Tiết. Đêm ấy, trước khi xuất quân, để động viên tinh thần chiến đấu của quân sĩ, ông sai người thân tín vào đền thờ Trương Hát, Trương Hồng bên bờ sông, giả tiếng thần nhân đọc to lên bài thơ:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Bản dịch:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bây sẽ bị đánh toi bời.

(Khuyết danh)

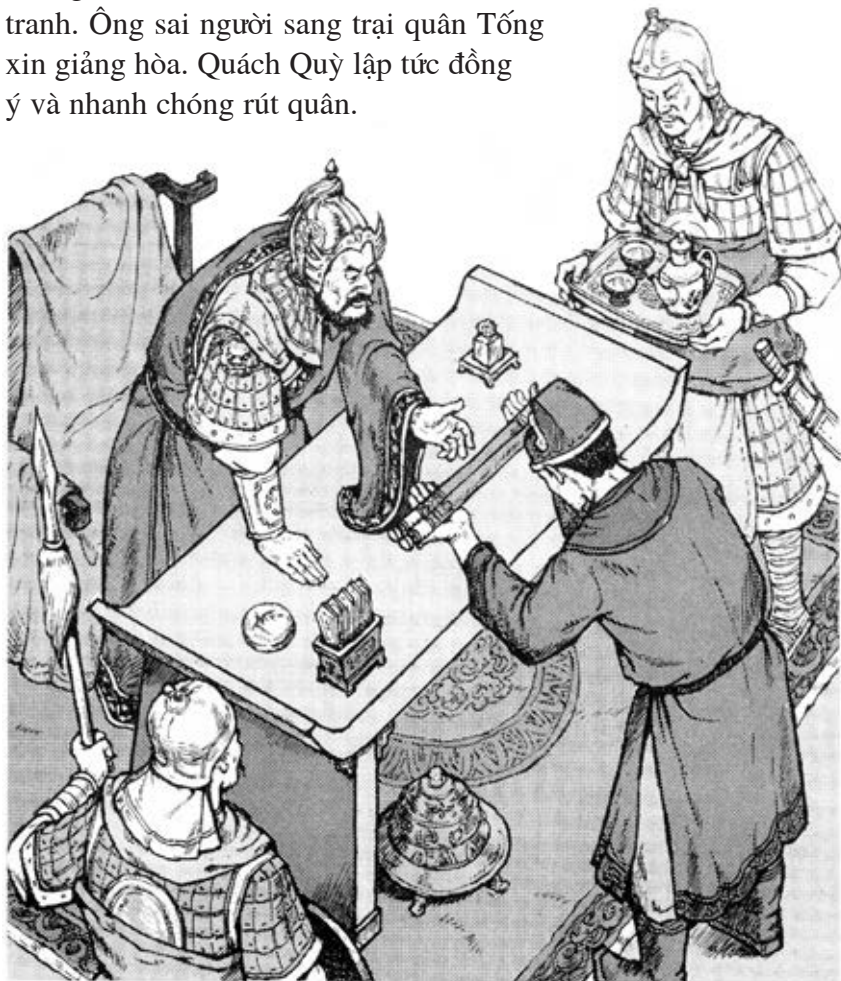


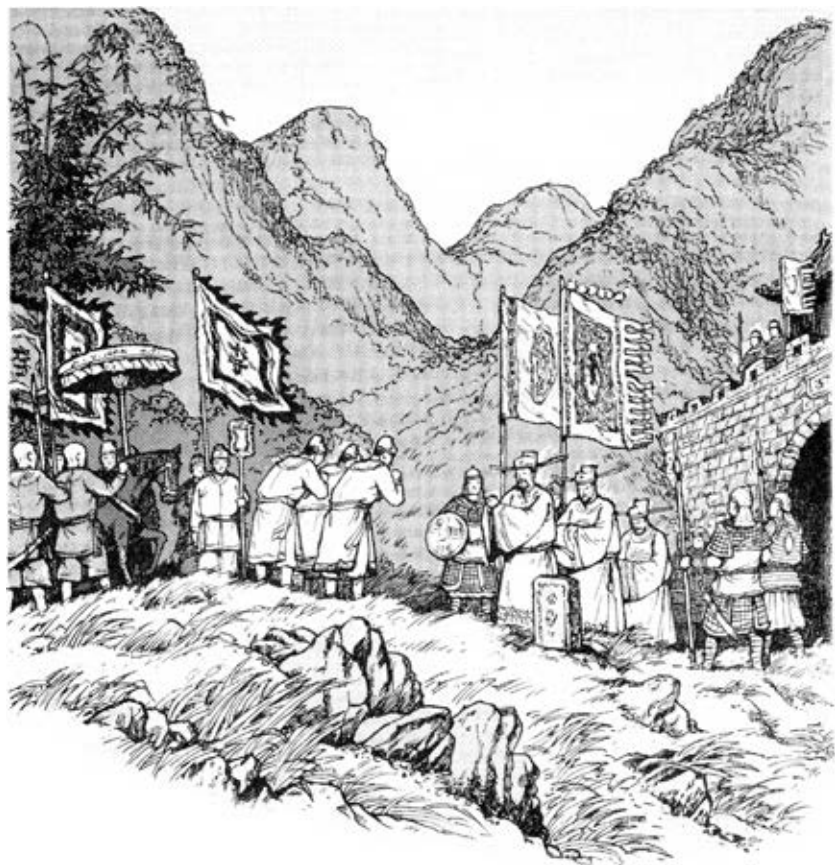
Quân sĩ tin tưởng đây là lời thần, hăng hái chiến đấu, xông thẳng vào trại giặc. Quân Triệu Tiết đang lo lắng theo dõi trận đánh bên đại bản doanh để chờ ứng chiến thì bị tấn công bất ngờ, trở tay không kịp. Quân Lý càng đánh càng hăng, phóng hỏa đốt trại quân Tống, cắt hết đường rút, dồn quân Tống xuống bờ sông mà tiêu diệt. Quân Tống vô cùng hoảng loạn, dẫm đạp lên nhau, không còn sức chiến đấu, cuối cùng bị đại bại, mười phần chết hết năm, sáu.





Trận tập kích của quân Đại Việt vào cuối mùa xuân năm 1077 khiến Quách Quỳ bị rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan: Ở lại lâu, nếu không chết vì bị tập kích cũng chết vì đói khát, bệnh tật. Còn rút lui thì triều đình Tống chắc chắn sẽ không tha tội cho y. Càng nghĩ, Quách Quỳ càng thấy bí. Biết rõ tình hình, Lý Thường Kiệt cùng triều đình Lý quyết định mở cho y con đường thoát danh dự để sớm chấm dứt chiến tranh. Ông sai người sang trại quân Tống xin giảng hòa. Quách Quỳ lập tức đồng ý và nhanh chóng rút quân.

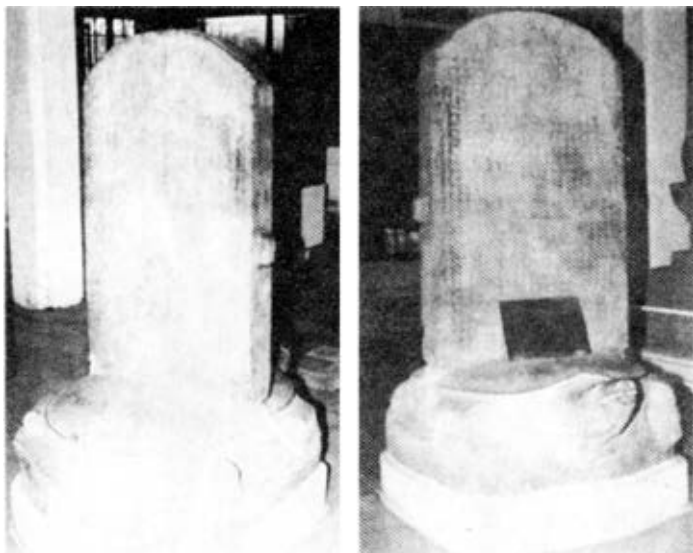




Tuy chủ trương giữ mối giao hảo với nhà Tống, nhưng trong việc bang giao, Lý Thường Kiệt không hề nhượng bộ. Sau khi rút lui, quân Tống còn chiếm giữ một số đất của ta ở vùng biên giới. Ông dùng mọi cách, cả quân sự lẫn ngoại giao, đòi Tống phải trả lại. Cuối cùng, triều đình Lý lấy lại được tất cả phần đất bị mất.

Chiến tranh chấm dứt, Tể tướng Lý Thường Kiệt bắt tay ngay vào việc khôi phục lại đất nước. Ông cho tu bổ thành quách, đê điều, cầu cống, đường sá và các đền chùa bị giặc tàn phá. Năm 1082, được cử ra trấn nhậm phủ Thanh Hóa, ông hết lòng lo lắng, khuyến khích, giúp đỡ dân chúng trong việc sản xuất. Do đó, nghề nông cũng như các nghề thủ công, lâm nghiệp, thương nghiệp đều phát triển. Ông còn trừng trị bọn vô lại cướp bóc tiền của, trộm trâu bò, nhờ thế dân được sống yên vui. Lúc rảnh rỗi, Lý Thường Kiệt thường đi đến nhiều nơi trong phủ để tìm hiểu sinh hoạt và cuộc sống của dân. Nơi nào cảnh trí xinh tươi, ông cho chọn chỗ để xây dựng đình, chùa.





Bia (mặt trước và sau) dựng năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 7 (1126), đời Lý Nhân Tông (1072-1127), tại chùa Linh Xứng, làng Ngổ Xá, Hà Trung, Thanh Hóa, khắc thân thế, sự nghiệp Lý Thường Kiệt. Đặc biệt có tư liệu về các trận đánh châu Ung, châu Khiêm và phòng tuyến sông Cầu.

Ảnh: Đức Hòa

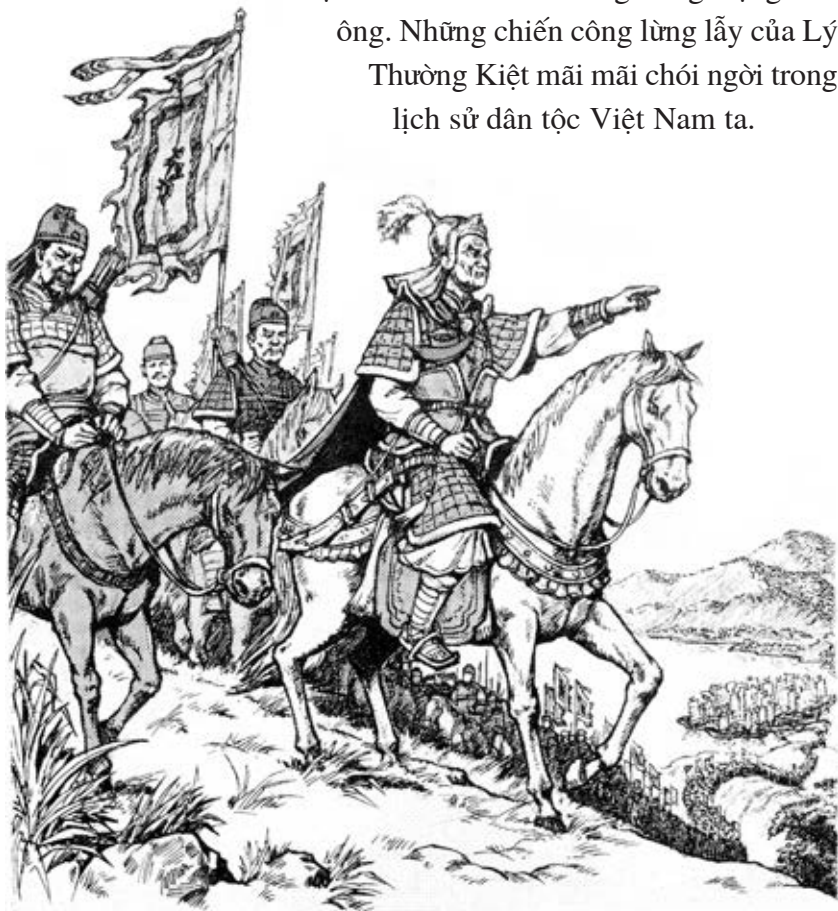
Chùa Linh Xứng được Lý Thường Kiệt cho xây trên núi Ngưỡng Sơn (Thanh Hóa). Ngày nay chùa không còn nhưng tấm bia còn lại cho biết: “Chùa ở phía nam núi. Trai phòng ở hai bên. Tượng đức Phật Như Lai sơn vàng, ngồi cao trên tòa sen... Sau chùa xây bảo tháp, đặt tên là Chiêu Ân. Tháp cao chín tầng bốn mặt mở cửa, xung quanh có bao lon, bốn góc treo chiêng vàng, rung trước gió... Trước có cửa chính để treo chuông. Chày kinh gõ đánh, tiếng chuyển bay xa, thức kẻ mê, phá kẻ tục, khuyên kẻ thiện, răn kẻ ác. Trước cửa một đường thẳng xuống sông... Kề sông có một đình nhỏ. Thuyền bè qua lại, dừng ở đó nghỉ ngơi...”.



Năm 1101, vua Lý Nhân Tông cho vời Lý Thường Kiệt về triều và lại giao cho ông chức Tể tướng. Lúc bấy giờ ông đã 83 tuổi. Hai năm sau đó, Lý Giác ở Diễn Châu (Nghệ An) nổi dậy chống triều đình. Lý Thường Kiệt tuy tuổi đã cao nhưng vẫn xin được đem quân đánh dẹp. Lý Giác chạy sang Chiêm Thành, xui vua Chiêm Chế Ma Na đem quân sang chiếm lại những vùng đất Chế Củ đã nhường cho Đại Việt trước kia.

Mùa xuân năm 1104, Chế Ma Na đem quân sang đánh phá vùng biên giới phía nam nước ta. Một lần nữa, vị lão tướng Lý Thường Kiệt lại lên đường dẹp giặc để giữ vững cõi bờ. Nghe tin ông đến, Chế Ma Na vội vàng rút quân về nước và sau đó sai sứ tới Thăng Long xin được nạp cống như trước. Tháng 6 năm Ất Dậu (1105), Lý Thường Kiệt mất, thọ 86 tuổi. Vua

Lý Nhân Tông vô cùng thương tiếc, cho soạn một bài hát để tán dương công trạng của ông. Những chiến công lừng lẫy của Lý Thường Kiệt mãi mãi chói ngời trong lịch sử dân tộc Việt Nam ta.



伐宋嘉布文

天生蒸民，君德列職。君民之福，多在養民。今聞宋主昏庸，不循聖范，听安石貪邪之計，作青苗勸役之科，使百姓心離塗地，而貴其肥己之謀。

蓋萬民資賦于天，忽落那要害之罟，在上雖宜可憫，从前切莫須言。

本職奉國王命，捐道北行，欲清妖孽之波濤，有分土无分民之意，要扫塵沙之汚迹，歌尧天享舜日之佳期。

我今出兵，國將臨濟，數文到日，庶广聞知，切自思愛，莫懷邪僻。

BÀI VĂN LỘ BỐ KHI ĐÁNH TỐNG

Trời sinh ra dân chúng, vua hiền ắt hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng tuân theo khuôn phép thánh nhân, lại tin kế tham tà của Vương An Thạch, bày những phép “thanh miêu”, “trợ dịch” khiến trăm họ mệt nhọc lắm than mà riêng thỏa cái mưu nuôi mình béo mập.

Bởi tính mệnh muôn dân đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại. Lượng kẻ ở trên cố nhiên phải xót. Những việc từ trước, thôi nói làm gì!

Nay bản chức vâng mệnh quốc vương chỉ đường tiến quân lên Bắc, muốn dẹp yên làn sóng yêu nghiệt chỉ có ý phân biệt quốc thổ, không phân biệt chúng dân. Phải quét sạch như bắn hôi tanh để đến thuở ca ngày Nghiêu, hưởng thái Thuấn thăng bình!

Ta nay ra quân, cốt để cứu vớt muôn dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự dẫn đo, chớ có mang lòng sợ hãi!

Theo TRẦN VĂN GIÁP



Đền thờ Lý Thường Kiệt tại huyện Hà Trung, Thanh Hóa.

Ảnh: Sách Đại cương Lịch sử Việt Nam



Đoạn sông Như Nguyệt, phía sau chùa Bồ Vàng, thôn Như Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, nơi vào năm 1077 là phòng tuyến của quân Lý.

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

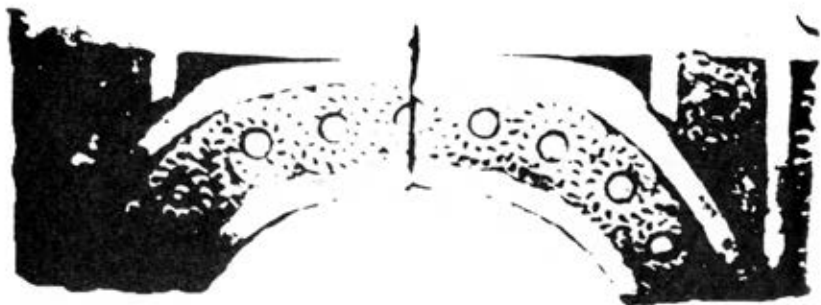
- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch) tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Hoàng Xuân Hãn, Lý Thường Kiệt, *Lịch sử ngoại giao thời Lý*. NXB Văn học, Hà Nội, 1994.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vượng và Trần Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- Nguyễn Khắc Thuần, *Việt sử giai thoại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1993.
- *Danh nhân Hà Nội*, Hội Văn nghệ Hà Nội, 1973.
- Thạch Phương và Lê Trung Vũ, *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1995.

PHỤ LỤC

KIẾN TRÚC THỜI LÝ



NGUYỄN ĐỨC HÒA

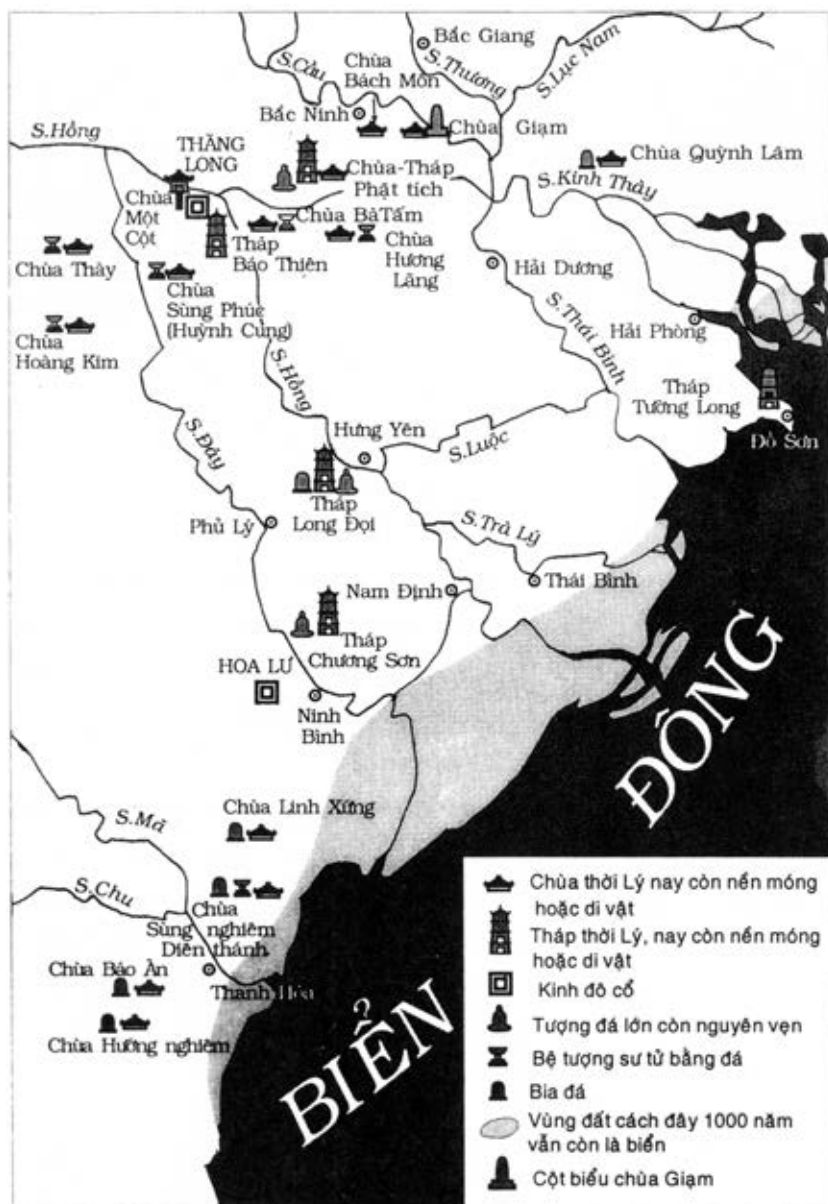


Mảnh vòm cửa đất nung, thế kỷ XI-XII, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh. Ảnh: Đức Hòa

Thái bình thịnh trị, chặn đứng quân xâm lược từ xa, bảo toàn trọn vẹn các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tổ quốc trong suốt hai thế kỷ. Đó là đặc điểm nổi bật của quốc gia Đại Việt thời Lý.

Trên nền tảng đó, những công trình kiến trúc với quy mô chưa từng thấy đã mọc lên ở hầu khắp các trọng điểm của hai địa bàn của người Việt lúc bấy giờ: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Mã.

Căn cứ vào sử sách cũng như di tích, có thể tạm qui kiến trúc thời Lý vào hai loại hình chính là tôn giáo và cung đình. Như chúng ta đều biết, vừa mới lên ngôi năm 1009 thì năm sau, 1010, vua Lý Thái Tổ đã cho dời đô ra Thăng Long. So với chu vi kinh thành Hoa Lư thì chu vi kinh thành Thăng Long đã lên đến 20km, tức là gần gấp 7 lần. Kiến trúc cung đình được dịp phát triển. Có rất nhiều tòa cung điện trong Hoàng thành. Đáng chú ý là: kể từ thời Lý, thành Thăng Long có 3 vòng thành khép kín gồm Long thành, Hoàng thành và La thành. Rất tiếc, sau 10 thế kỷ, chúng ta chỉ còn có thể thấy được một phần các vòng thành kể trên và chỉ thấy vết tích nền móng các cung điện thông qua khai quật khảo cổ...



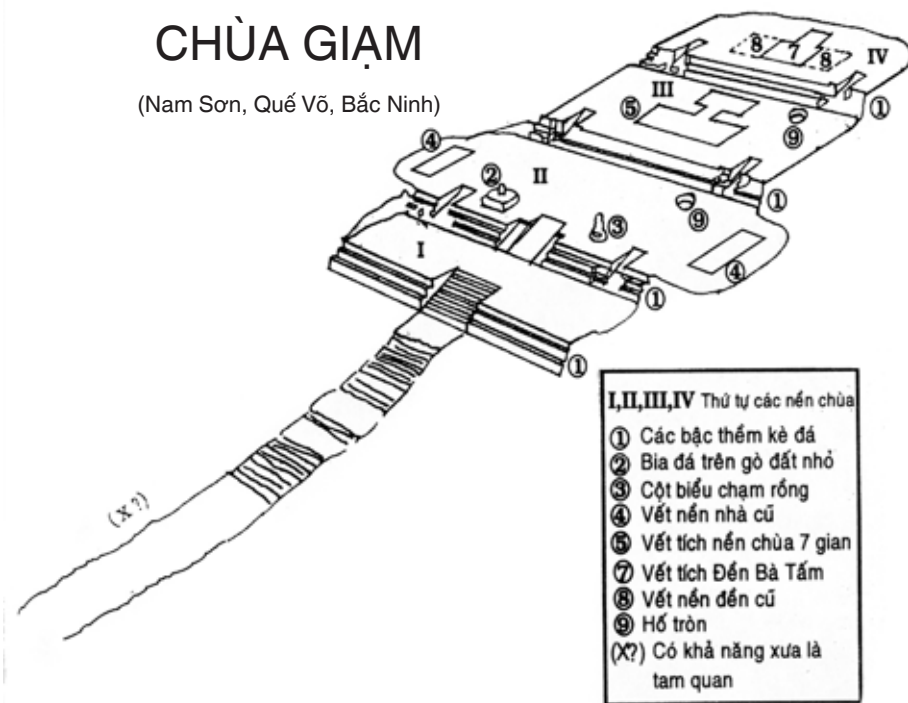
Bản đồ di tích chùa tháp thời Lý.

Thời Lý, đạo Phật là quốc giáo. Do đó, các vua Lý đã cho xây rất nhiều chùa, tháp. Sử cũ ghi: riêng năm 1031, triều đình đã xuất tiền kho làm chùa, quán ở 950 nơi. Sử cũng ghi: riêng bà Ý Lan Nguyên phi đã cho dựng hơn 100 ngôi chùa.

Chùa Tháp thời Lý thường có quy mô to lớn, bề thế mà các đời sau khó sánh kịp. Ví dụ như chùa Hương Lăng, dựng trên diện tích gần 40.000m² (345mx115m) hay chùa Giạm dựng trên đồi, có tổng diện tích khoảng 8.400m², được bạt thành 4 lớp nền, mỗi lớp chênh nhau 8m độ cao. Tháp Báo Thiên ở Thăng Long cao 20 trượng (khoảng 80m). Tháp Chương Sơn có cạnh đáy là 19mx19m được dự đoán cao tối thiểu là 56,5m và tối đa có thể là 95m...

CHÙA GIẠM

(Nam Sơn, Quế Võ, Bắc Ninh)



Ảnh: Sách Mỹ thuật thời Lý, NXB Văn hóa, 1973.

Bản vẽ: Xuân Kế



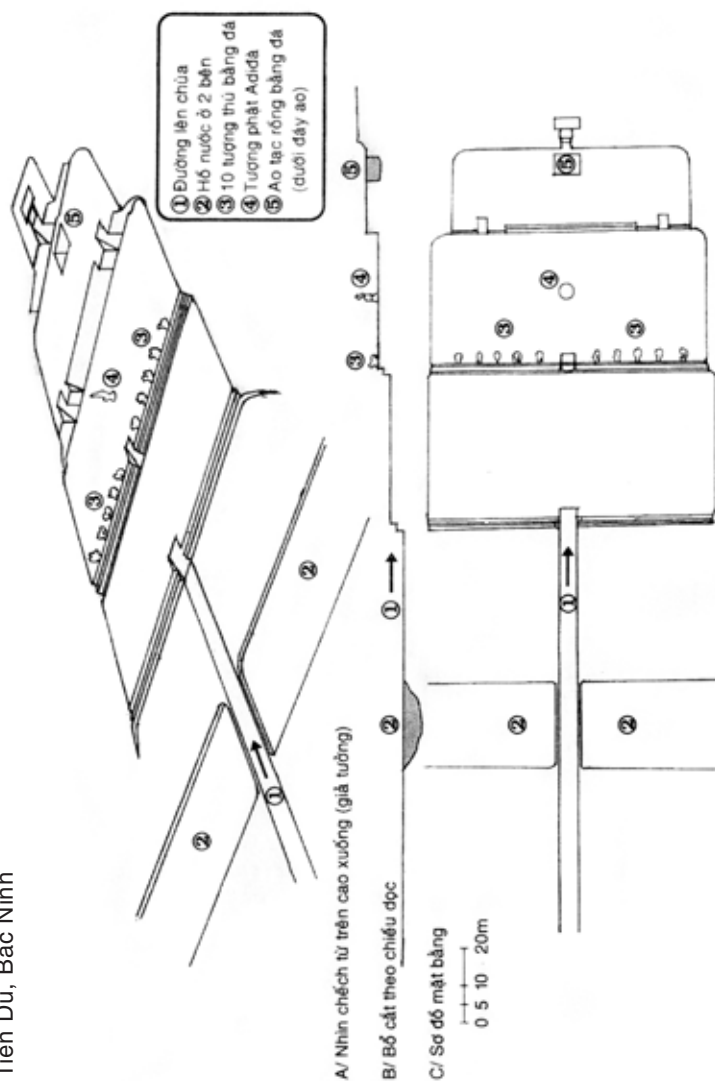
Bậc thềm chùa Giạm (Nam Sơn, Quế Võ, Bắc Ninh), kè bằng đá, phía trên là cột biểu của chùa.

Ảnh: Sách Mỹ thuật thời Lý, NXB Văn hóa, 1973

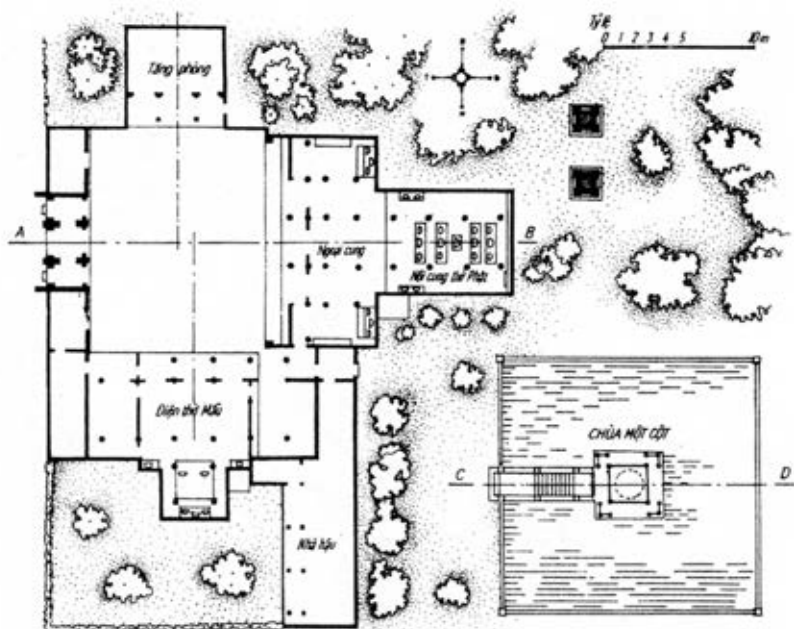


Chùa Phật Tích. Kè đá của bậc thềm thứ nhất. Ảnh: Đức Hòa

Nền **CHÙA PHẬT TÍCH**
(Huyện Tiên Du, Bắc Ninh)



Theo sơ đồ của sách *Mỹ thuật thời Lý*, NXB Văn hóa, 1973.



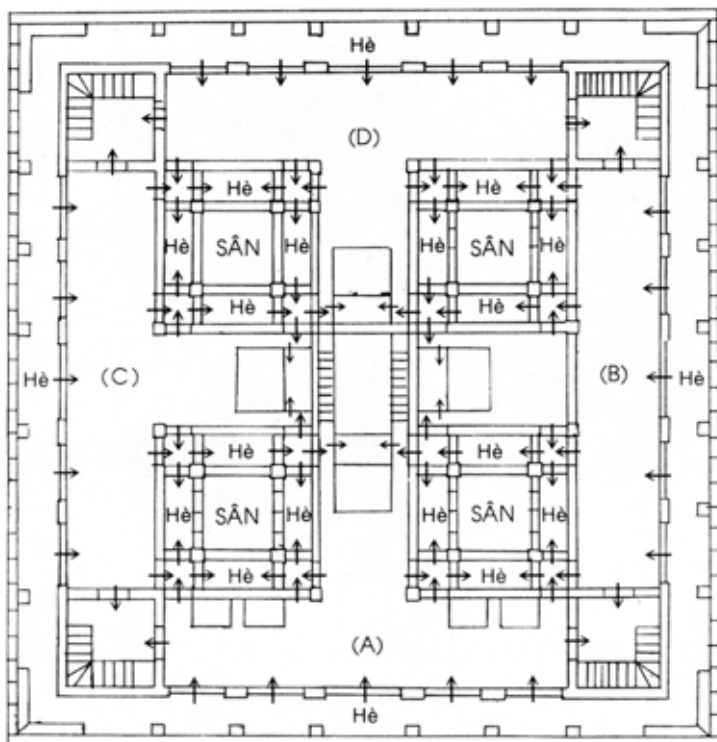
Tổng thể - mặt bằng - mặt cắt chùa Một Cột (Diên Hựu) do Bezacier vẽ thời Pháp thuộc, trước khi chùa bị Pháp phá hủy năm 1954 và ta xây lại năm 1955.

Theo Sách Kiến trúc cổ Việt Nam

Lối kiến trúc của các công trình cũng có nhiều nét đặc biệt hầu như chỉ có ở thời Lý. Đó là các chùa có nền hình vuông (chùa Một Cột, chùa Bách Môn...). Đó là tòa kiến trúc trên một cột thật độc đáo và nghệ thuật (chùa Một Cột, cột biểu chùa Giạm với vết tích giá đỡ kiến trúc bên trên...)



Chùa Bách Môn nhìn từ phía trước. Vẽ lại từ một ảnh đen trắng thời Pháp thuộc. Bản vẽ của Đức Hòa

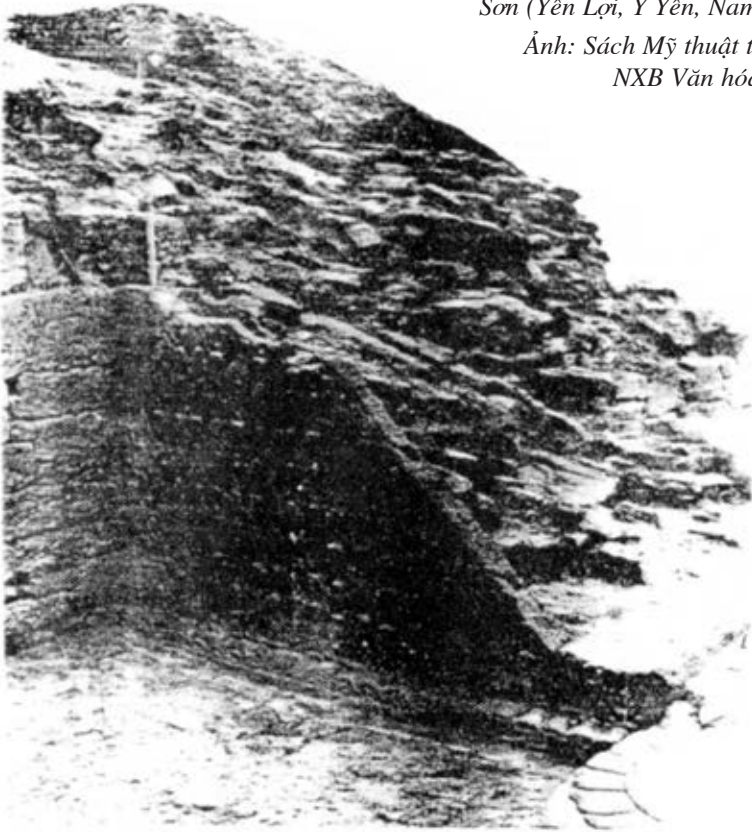


Mỗi cạnh chùa = 26m, các mũi tên chỉ cửa ra vào
tổng cộng đủ 100 cửa (Bách Môn).

Sơ đồ mặt bằng chùa Bách Môn (Việt Đoàn, Tiên Sơn, Bắc Ninh).
Bản vẽ: Xuân Kế (chủ yếu dựa vào lời chỉ dẫn của nhân dân địa phương)
Sách Mỹ thuật thời Lý, NXB Văn hóa, 1973

*Một góc thành bậc - đá ghép. Nền tháp Chương
Sơn (Yên Lợi, Ý Yên, Nam Định)*

*Ảnh: Sách Mỹ thuật thời Lý,
NXB Văn hóa, 1973*



Tháp thời Lý là những kiến trúc cao tầng đầu tiên của dân tộc ta. Các kiến trúc sư còn biết lợi dụng địa hình để khuếch trương hiệu quả kiến trúc, tạo cảm giác đột khởi, đồ sộ, đầy sức thuyết phục về quy mô... đó là các chùa: Phật Tích trên núi Lạn Kha, chùa Giạm và chùa Long Đọi trên núi Đọi, tháp Chương Sơn trên núi Ngô Xá, tháp Báo Thiên trên gò cao bên hồ Lục Thủy (hồ Gươm). Các núi đồi kể trên thường mọc đơn độc giữa đồng bằng nên chiều cao của các chùa tháp càng gây ấn tượng mạnh.



Núi Long Đồi (Đồi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam).

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam



Ảnh trái: Hai tượng Kim Cương bằng đá trấn giữ cửa tháp Long Đồi (1121).



Ảnh phải: Hoa văn chạm nổi trên vách đá của tháp Long Đồi (1121).

Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam



*Gạch xây tháp trang trí Rồng và Vũ nữ thời Lý, thế kỷ XI - XII cao 30cm.
Bảo tàng Việt Nam - Hà Nội.
Ảnh: Đức Hòa*

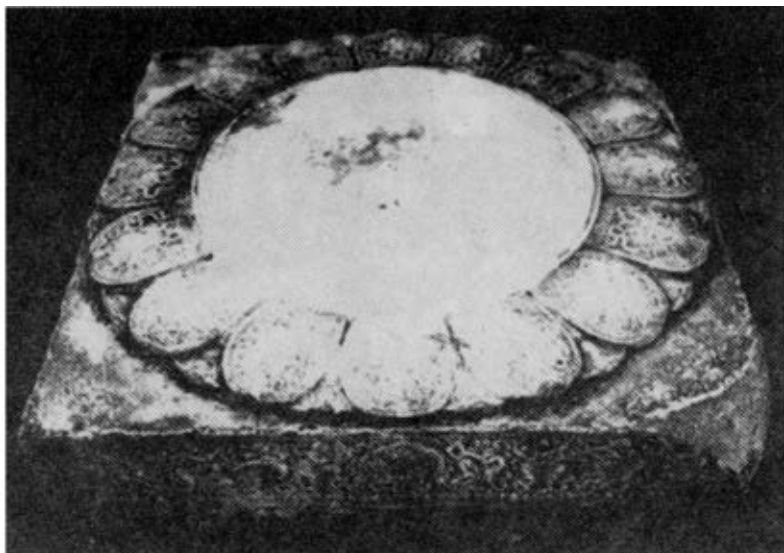
Chùa, tháp thời Lý đều luôn luôn được trang trí bằng điêu khắc tượng tròn và chạm nổi, làm cho các tòa kiến trúc trở nên đa dạng, sinh động và đẹp đẽ hơn. Đó là tám tượng Kim cương trấn giữ bốn cửa tháp, là sáu đá trên thành bậc, là rồng phượng đức nổi trên các đầu đao, nóc nhà hay chạm nổi trên các diềm bia, vách tường v.v...



*Cảnh phế tích chùa Hương Lãng
(chùa Lạng, Minh Hải, Mỹ Văn, Hưng Yên).
Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam*

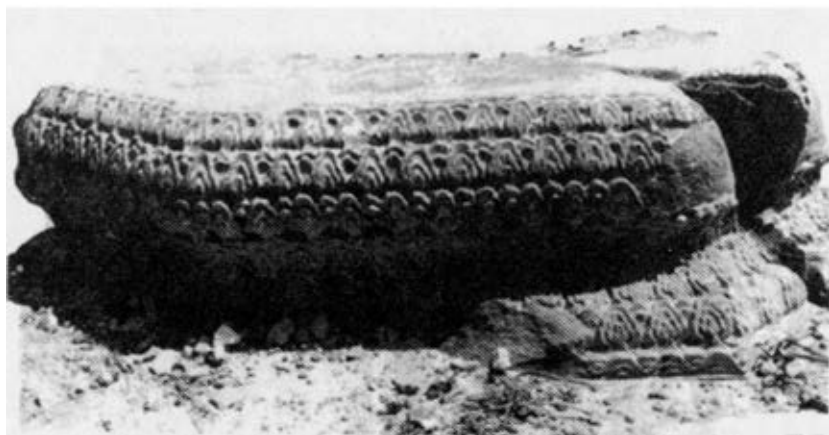


*Tay vịn thành bậc đá có hình con sấu và chạm nổi hình chim phượng múa -
chùa Hương Lãng. Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam*



Tầng đá kê chân cột chùa Phật Tích, Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam



*Chân cột chùa bằng đá chạm hình sóng nước,
tháp Tường Long, Đồ Sơn, Hải Phòng.*

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam



Miệng giếng chùa Phật Tích - Đất nung - Thế kỷ XI. Đường kính bên trong miệng giếng ~ 80cm. Bày tại sân Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

Ảnh: Đức Hòa



Rồng - Gạch đất nung trong kiến trúc Lý, thế kỷ XI - XII.

Ảnh: Sách điêu khắc cổ Việt Nam, NXB Mỹ thuật, 1997



Gạch trang trí kiến trúc (lát sân cung điện) - Đất nung thời Lý - Khai quật tại làng Vĩnh Phúc, Hà Nội - Bốn viên kết hợp, tổng mỗi cạnh là 80cm.

Ảnh: Đức Hòa



Gạch lát sân trang trí hình hoa sen - Đất nung thời Lý - Khai quật tại Hà Nội, mỗi cạnh là 40cm. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

Ảnh: Đức Hòa

*Vật liệu
trang trí kiến
trúc thời Lý
được khai quật
trong thành
Hà Nội.*

*Ảnh:
Huy Khâm -
Báo Thể thao
Văn hóa
số Xuân
Kỷ Mão - 1999*



Mặc dù di tích thời Lý hầu hết bị phá hủy bởi thiên tai và địch họa nên không còn nguyên vẹn đến ngày nay, nhưng do được đời sau trùng tu hay chỉ ít vẫn còn nền móng vững chắc nên chúng ta vẫn còn có cơ sở để thẩm định phần nào các giá trị kể trên.

Sau cùng, chỉ xin nhấn mạnh rằng: Kiến trúc thời Lý thực sự là những kỳ công của dân tộc ta bởi vì cả ngàn năm Bắc thuộc trước đó, kiến trúc, điêu khắc, trang phục... hầu hết đều là những trang bở trắng trong lịch sử Việt Nam.

Nguyễn Đức Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Du Chi, *Nghệ thuật kiến trúc thời Lý*. Sách Mỹ thuật thời Lý., Viện Nghệ thuật - Bộ Văn hóa, 1973.
- Chu Quang Trứ, *Mỹ thuật Lý - Trần, mỹ thuật Phật giáo Việt Nam*, NXB Thuận Hóa.
- Tống Trung Tín và Hà Văn Cẩn, *Lần theo dấu tích kinh thành Thăng Long*, Báo Khoa học và Đời sống số 6, 7, 8 ngày 8/2/1999.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 18

LÝ THƯỜNG KIỆT

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG - LIỄN HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VŨ PHUONG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Vào thời nhà Lý, một vị tướng kiệt xuất trong lịch sử nước ta xuất hiện, ấy là Lý Thường Kiệt. Là hoạn quan nhưng cũng là bậc võ tướng kỳ tài, Lý Thường Kiệt lần lượt cầm quân trấn áp Chăm-pa, chủ động tấn công giặc, sau đó lại phá tan âm mưu xâm lược của kẻ thù. Cả cuộc đời ông luôn dành cho dân cho nước, không ý quyền thế, tư lợi việc riêng, mãi là tấm gương lớn cho người đời sau học hỏi.

